PHẬT HỌC 佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HẰNG THÁNG

SỐ 339, NĂM THỨ 28 THÁNG 10-2022

Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): http://www.nsphat-hoc.org

NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:
PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:
DIỆU LAN

Kiểm Soát:
PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:
BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TĨNH
TUỆ VIÊN

Cộng Tác:
CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:
MINH HÒA
NHÂN CA

Mục Lục

Muc đích tu hoc	BBT	3
Thiền định một PP. biến cải tâm linh	Hoang Phong dịch	4
Pháp Cú: 389 Phẩm Bà La Môn	HT. Th. Minh Châu dịch	9
Thơ: Bóng ngược	Minh Đức - Triều Tâm Ảnh	9
Câu chuyện thật của Bs tâm thần	Thích Tâm Quang dịch	10
Hư Hư Lục: Dãi áo đứt	Thích Nữ Như Thủy	16
Vài khía cạnh trong thế giới quan KH và PG	Võ Q. Nhân	17
Thơ: Tôi vẫn đợi	Tuệ Sỹ	24
Thiền Tông và Tịnh Độ Tông chỗ ...	HT. Thích Thanh Từ	25

Tranh bìa

Hoa Sen

Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài đăng trong Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoằng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỉ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học

Mục đích tu học

Người theo đạo Phật là tín đồ của Phật giáo, phải hành trì theo lời Phật dạy được ghi trong kinh sách. Mục đích tối thượng của Đạo Phật là tu tập để giải thoát khỏi luân hồi trong 6 cõi sau đây:

1. Cõi Trời - Trong truyền thống Phật giáo, cõi trời là nơi những người tích lũy nhiều phước báu từ nhiều kiếp được tái sinh. Họ sống trong sự giàu có, hạnh phúc với cuộc sống lâu dài. Tuy nhiên, những người ở cõi trời cũng già đi và chết.

2. Cõi Người - Cõi người là cõi lý tưởng mà từ đó chúng sinh có thể thoát khỏi lục đạo luân hồi. Cảnh giới này được xem là có nhiều điều thuận lợi để tu tập giải thoát, từ việc có ý thức cho đến các thử thách và lợi lạc trong cuộc sống giúp con người nhận ra đâu là hạnh phúc đích thực và nỗ lực hết mình để đạt giác ngộ.

3. Cõi A-tu-la - A-tu-la là những sinh vật mạnh mẽ, đầy tài năng và đôi khi được mô tả như là kẻ thù của cư dân trên cõi trời. A-tu-la biểu trưng cho sự phẫn nộ, thù hận và "ghen ăn tức ở" những người tài giỏi hơn mình.

4. Cõi Ngạ Quỷ - Ngạ quỷ hay những con ma đói được mô tả như những sinh vật có bụng to, trống rỗng nhưng họ có miệng và cổ nhỏ đến mức không thể nuốt được. Ngạ quỷ tượng trưng cho những người luôn khao khát tìm kiếm cái gì đó bên ngoài để thỏa mãn sự thèm muốn bên trong. Những người tham lam vô độ, thèm khát, vơ vét mọi thứ về cho mình nhưng không bao giờ cảm thấy thỏa mãn sẽ tái sinh vào cảnh giới ngạ quỷ.

5. Cõi Địa Ngục - Như tên gọi, địa ngục là nơi khủng khiếp nhất trong sáu cảnh giới tái sinh. Cũng giống như nhiều tôn giáo khác, đó là nơi mà những người tàn ác bị đày xuống để trải nghiệm sự đau khổ mà họ đã gây ra.

6. Cõi Súc Sinh - Cõi súc sinh bao gồm các loài động vật, côn trùng hay vi sinh vật… được đánh dấu bằng sự thiếu hiểu biết, thành kiến và tự mãn. Họ sống theo bản năng, không nhận thức được tốt-xấu, thiện-ác và cố tránh khỏi sự khó chịu hoặc bất cứ điều gì không quen thuộc.

Mỗi người tùy theo chọn lựa, có thể tu theo pháp môn Thiền hay Tịnh độ hoặc trì chú, nhưng vì mỗi người tu theo cách riêng của mình nên kết quả sẽ khác nhau. Tuy vậy chúng ta đừng nản chí, phải luôn luôn tinh tấn, vì theo lời Phật đã dạy gieo nhân lành sẽ được quả tốt.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức **Đạt-lai Lạt-ma** và **Urgyen Sangharakshita**
Hoang Phong chuyển ngữ

(Khởi đăng từ **PHẬT HỌC** số **302**)

Chương IV

Lòng vị tha và chủ trương cá nhân trong cuộc sống tâm linh

Bài 25

Hiến dâng sự can đảm hay không biết sợ là gì

Thể loại hiến dâng thứ hai không phải là hiện vật mà là tâm lý, điều này không khỏi khiến chúng ta phải ngạc nhiên *(những gì* Sợ hãi trước cái chết, bệnh tật, sự ra đi của những người thân là những sự sợ hãi mang tính cách toàn cầu. Kể cả ngày nay, người ta vẫn còn sợ thú dữ tấn công, kẻ trộm rình mò, những kẻ hung dữ sẵn sàng hành hung, các cảnh động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, đói kém, tham nhũng và bất công - các sự sợ hãi đó không phải là vô lý. Một trong số những bạn người Nga của tôi từng thuật lại với tôi các cảm nhận của mình khi đặt chân lần đầu lên lục địa Mỹ. Là người rất nhạy cảm, anh ta nhận thấy một bầu không khí thật lạ lùng hiện ra với mình, tương tự như một màn sương mù, một cái gì đó ẩm ướt bám vào thân thể, xám xịt và nặng nề. Anh ta nghĩ rằng bầu không khí đó nhất định không phải là vật lý, chẳng hạn như khói phun ra từ các ống khói của các cơ xưởng, mà là một cái gì đó hiện ra trong tâm thức mình, anh ta vụt chợt tỉnh: đấy là sự sợ hãi, một sự sợ hãi bốc lên từ một lục địa mênh mông, chẳng khác gì như một đám mây ngột ngạt đè nặng lên toàn thể xứ sở. *(cách mô tả sự sợ hãi bên trong nội tâm trên đây khiến chúng ta không khỏi liên tưởng đến sự sợ hãi của các thuyền nhân. Trước hết đối với họ là sự sợ hãi trước sự mênh mông của hung bạo, hận thù, giả dối, tham lam và thiển cận; sau đó là sự sợ hãi trước cái mênh mông của biển cả; sau cùng là sự sợ hãi sâu kín bên trong nội tâm mình, pha lẫn với một chút cảm tính nửa mừng nửa tủi, trước sự mênh mông của một lục địa và những con người xa lạ)*. Cảm tính lo âu và bất an đó là một trong các nét tiêu biểu của thời đại chúng ta, một thời đại mà người ta gọi rất đúng là thời đại của sự lo âu. Trong đám mây [ngột ngạt] đó con người cố gắng sinh tồn, làm việc và thở dốc. Họ đánh mất một phần nào sự tin tưởng giữa người và người, kể cả đối với sự sống, và tất nhiên họ cũng đánh mất một chút nào đó cả sự tự tin nơi chính mình.

Ngày nay, nhiều người vẫn cảm thấy mất hết sự tự tin đích thật nơi con người của mình, sự mất tự tin đó thường phát sinh từ một xúc cảm thật mạnh [từ bên trong họ] mà họ cố tình không muốn tiếp cận với nó, thế nhưng nó lại vẫn cứ tìm cách để bùng lên với họ, khiến họ chỉ cảm nhận được nó một cách mơ hồ mà thôi. Mỗi khi cảm thấy nó hiện lên với mình thì họ cũng nhận thấy phát sinh bên trong chính họ cảm tính bất an mà người ta thường gọi là sự lo lắng *(anxiety / lo lâu, bồn chồn, hoang*

mang). Sự lo lắng đó, cũng không khác gì các sự sợ hãi khác, là một xúc cảm rất tai hại, cần phải loại bỏ. Nếu muốn làm được việc đó thì phải chấp nhận đương đầu với các xúc cảm ngấm ngầm ẩn nấp phía sau các sự lo lắng đó, dù đấy là gì. Trong trường hợp này, chúng ta cần có sự tiếp tay của một người bạn đồng tu *(hay một nhà phân tâm học)*, họ sẽ giúp mình xác định các xúc cảm đó là những gì, điều đó cũng có nghĩa là tìm cách làm cho các xúc cảm ấy phải hiện lên trong cấp bậc nhận biết của tâm thức, hầu giúp mình có thể trực tiếp đối đầu với chúng. Điều đó không có gì là đáng sợ cả, một khi đối đầu với chúng thì chúng tất sẽ mất hết khả năng [gây ra sự lo lắng cho mình], hơn nữa một số trong các xúc cảm đó cũng có thể biến thành tích cực. Thế nhưng, dù chúng mang tính cách tiêu cực hay tích cực, thì nghị lực mà chúng ta xử dụng để khắc phục chúng nhất thiết tùy thuộc vào sự linh hoạt của phần tri thức hiểu biết của mình trong cuộc sống *(our conscious life)* và cả bản tính của mình *(our personality / nói chung là tùy thuộc vào khả năng đương đầu của mỗi người trước các xúc cảm sâu kín của mình. Hãy nêu lên một thí dụ cụ thể, những người lớn tuổi thường hay lo lắng và sợ hãi về đủ mọi thứ chuyện có thể xảy ra với mình. Phía sau các sự lo lắng và sợ hãi mơ hồ và vô cớ đó là sự thúc đẩy kín đáo của bản năng sợ chết và sợ bệnh tật. Thế nhưng nếu ý thức được sự già nua là một quá trình tự nhiên của sự sống, thì các sự sợ hãi và lo âu đó sẽ mất hết ý nghĩa của chúng, hoặc ít nhất tác động của chúng cũng sẽ giảm đi. Hơn thế nữa sự ý thức đó cũng có thể rất mạnh, gần như là một sự bừng tỉnh, tạo ra cho mình một quyết tâm tích cực hơn: với một chút sức khỏe còn lại lúc tuổi già, mình vẫn có thể vui vầy với con cháu và giúp đỡ những người chung quanh, không để cho các sự lo lắng và sợ hãi vô cớ làm phí phạm những ngày còn lại của đời mình)*.

Nhiều người hành thiền đôi khi cũng cảm thấy một sự sợ hãi sâu kín nào đó hiện lên với mình. Trước hết điều đó có thể là do một cái gì đó xảy ra trong tuổi thiếu thời, hoặc cũng có thể là gần đây hơn, những thứ ấy vụt hiện lên trở lại với mình. Thế nhưng sự sợ hãi đó - ít nhất là đối với một vài người - cũng có thể rất sâu kín và nguyên sơ *(primodial / nguyên thủy, căn bản)* hơn, có nghĩa là không nhất thiết là một sự sợ hãi về một cái gì đó rõ rệt và cụ thể, mà là một sự sợ hãi thật sâu xa về sự hiện hữu của chính mình *(sự sợ hãi này bắt nguồn từ lâu đời, có thể là từ các tiền kiếp của mình, đó là dấu vết của karma / nghiệp ghi khắc trên dòng luân lưu của tri thức mình qua các thời gian quá khứ thật dài)*. Ngay cả đối với các hình thức sợ hãi này chúng ta cũng có thể khắc phục được chúng và vượt lên trên chúng.

(Nhận xét trên đây của nhà sư Sangharakshita rất quan trọng, ít nhất là đối với một số người mới bắt đầu học tập thiền định. Họ cho biết mỗi khi ngồi xuống hành thiền thì họ cảm thấy hoang mang, lo sợ, đủ mọi thứ xúc cảm hiện lên với họ, trái lại trong những lúc sinh hoạt thường nhật thì họ lại cảm thấy "thoải mái" hơn nhiều, không "lo âu" hay "sợ hãi" gì cả. Đây là một trong số các nguyên nhân khiến nhiều người bỏ cuộc. Nhà sư Sangharakshita cho biết các sự sợ hãi và lo âu đó có hai nguyên nhân.

Nguyên nhân thứ nhất là các sự lo âu và sợ hãi phát sinh từ những sự bất toại nguyện: chẳng hạn như các điều bất hạnh, ức hiếp, đàn áp, các lỗi lầm, hối tiếc do mình tạo ra, hoặc các sự hiểu lầm của người khác đối với mình..., tất cả đều lưu lại các dấu vết đôi khi rất sâu đậm trên dòng tri thức mình. Nguyên nhân thứ hai sâu kín và khó nhận biết hơn, gần như vô thức, đó là các dấu vết do các xúc cảm thật sâu ghi khắc trong alayavijnana (a -lai-da thức / tiềm thức) của mình, nói một cách khác là các dấu vết của nghiệp (karma) ghi khắc thật sâu trên dòng tri thức của mình từ những thời kỳ quá khứ xa xưa, từ các tiền kiếp chẳng hạn. Trong số này cũng có một thể loại xúc cảm mơ hồ khác, luôn bàng bạc trong cuộc sống, đó là sự sợ hãi trước sự đổi thay qua từng khoảnh khắc trên thân xác mình, trong tâm thức mình và cả bối cảnh, con người và sự sống chung quanh mình, nói một cách khác đó là bản chất vô thường của hiện thực. Xúc cảm sợ hãi này mang tính cách hiện sinh và gần như vô thức, tạo ra cho chúng ta một sự âu lo vô cớ, một tầm nhìn và một thái độ yếm thế về cuộc sống của mình.

Tất cả các sự sợ hãi thuộc các thể loại trên đây thường xuyên bị che lấp và phủ kín bởi các xúc cảm khác, các sự sinh hoạt khác của tâm thức mình trong cuộc sống thường nhật. Mỗi khi ngồi xuống hành thiền trong một khung cảnh trang nghiêm và yên lặng, thì tâm thức sẽ lắng xuống dần, đồng thời các dấu vết ghi khắc bởi các xúc cảm bấn loạn trên đây sẽ hiện lên với mình, tạo ra sự lo lắng và sợ hãi cho mình.

Trong cuộc sống thường nhật chúng ta thường xuyên bị phân tâm thật khủng khiếp thế nhưng chúng ta lại không hề ý thức được điều đó. Nghe nhạc, xem phim, theo dõi thời sự, phẩm bình chính trị, theo dõi thiên tai, các cảnh hung bạo, dạo phố, mải mê với các trò chơi điện tử, xem hình ảnh dâm ô..., tất cả các sự sinh hoạt đó đối với chúng ta có thể là "thoải mái" và "bình thường", thế nhưng đối với một người hành thiền thì đấy là các sự sinh hoạt xao lãng, che lấp những gì sâu kín hơn trên dòng luân lưu của tri thức mình. Mỗi khi ngồi xuống hành thiền, hoặc đang ở trong một khung cảnh vắng vẻ và yên lặng thì bất chợt các xúc cảm lo lắng và sợ hãi cũng có thể hiện lên với mình, khiến mình phải tìm ngay một cái gì đó để làm hoặc để chú tâm vào đó - xem tv, nghe nhạc, đi dạo, ăn vặt... - hầu giúp mình tiếp tục tránh né và phủ lấp các xúc cảm sâu kín trong tâm thức mình.

Tóm lại, nếu sự hiến dâng hiện vật - một bát cơm, một manh áo - là một cử chỉ thật cấp bách và quý giá đối với những người nghèo khó, thì sự hiến dâng lòng can đảm và sự tự tin thật hết sức cần thiết cho hầu hết mọi người trong chúng ta, trong đó kể cả những người giàu có, quyền thế và lãnh đạo, một vị tổng thống chẳng hạn. Bề ngoài họ rất oai phong, hùng hổ , tự tin, thế nhưng bên trong tâm thức họ sự sợ hãi và lo lắng đôi khi còn nhiều hơn cả chúng ta. Tình thương của người bồ-tát phải vô biên là vì vậy, không nên phân biệt bất cứ ai, kể cả các côn trùng nhỏ bé).

Kinh điển Đại thừa hơn nữa còn cho biết người bồ-tát ngoài việc hiến dâng sự không sợ hãi, còn phải khuyến khích và gợi lên các cảm hứng *(sự nhiệt tình)* cho kẻ khác. Trong tập luận *Vòng hoa trân quý* (*Ratnavali / Bảo hành vương chánh luận*) Nagarjuna / Long Thụ có nói như sau:

"Tương tự như những người nông dân cảm thấy vui sướng

Mỗi khi trông thấy các đám mây mang lại các cơn mưa liên tiếp,

Cũng vậy, những ai mang lại sự hân hoan cho chúng sinh,

Mỗi khi trông thấy họ, đều là những con người đáng quý"

Phật giáo Đại thừa thường xuyên nhấn mạnh một điều thật quan trọng là phải mang lại hạnh phúc cho tất cả mọi người, thế nhưng không phải là một thứ hạnh phúc phù phiếm, mà phải là một thứ hạnh phúc mang lại niềm hân hoan chân thật, giúp họ khắc phục được những sự lo lắng và sợ hãi của họ. Trái lại nếu tìm sự sung sướng cho riêng mình bằng cách tạo ra sự sợ hãi cho kẻ khác, thì đấy là một sự thèm khát *(trong nguyên bản là chữ desir/ thèm muốn, khát vọng)* cố tình tạo cho mình một quyền uy để khống chế kẻ khác. Trái lại, nếu chỉ biết một lòng mang lại hạnh phúc cho kẻ khác, thì điều đó sẽ mang một ý nghĩa khác hẳn: đó là cách hiến dâng cả con người của mình cho kẻ khác, thay vì tìm cách khống chế kẻ khác nhằm thực hiện quyền lợi và chủ đích của riêng mình *(ở một cấp bậc rộng lớn hơn - chẳng hạn như một tập thể hay một quốc gia - nếu một người hay một nhóm lãnh đạo nắm giữ quyền lực tạo ra sự ngoan ngoãn trong tập thể hay trong dân chúng, bằng sự sợ hãi với mục đích khống chế, quản lý và cai trị họ, thì đấy là một tội ác, một cách tạo nghiệp vô cùng tiêu cực. Sự ngoan ngoãn phải được tạo ra bằng tình thương, bằng sự hy sinh của mình. Những người lãnh đạo tạo ra sự ngoan ngoãn trong dân chúng bằng sự sợ hãi, thì đến một lúc nào đó chính mình cũng có thể sẽ trở nên ngoan ngoãn trước sự sợ hãi do mình tạo ra cho kẻ khác, có nghĩa là sự sợ hãi đó sẽ quay ngược lại để khống chế chính mình. Những vị lãnh đạo trở nên ngoan ngoãn đó dường như đôi khi cũng có thể cảm thấy xấu hổ với tổ tiên và dân tộc mình; một công dân ngoan ngoãn do những vị lãnh đạo ấy tạo ra, dường như đôi khi cũng có thể cảm thấy xấu hổ với cha mẹ và con cái mình; một kẻ xa quê hương lợi dụng sự ngoan ngoãn của kẻ khác để tìm các món ăn và các phục vụ quen thuộc, dường như đôi khi cũng có thể cảm thấy xấu hổ với lương tâm của chính mình. Trong các trường hợp ngoan ngoãn vì sợ hãi đó, sự hiến dâng của người bồ-tát sẽ là sự can đảm không biết sợ là gì, hầu giúp mỗi người trong chúng ta - những con người ngoan ngoãn - ý thức được phần nào sự xấu hổ đó trước tổ tiên, dân tộc, con người và cả lương tri của chính mình).* Người bồ-tát chỉ nên tìm sự vui sướng bằng cách mang lại sự tin tưởng và niềm hạnh phúc chung quanh mình. Gamposa *(1079-1153, một vị thầy Tây Tạng, thuộc dòng truyền thừa Kagyupa / Ca-nhĩ-cư phái, và cũng là đệ tử của Milarepa/ Mật-lặc Nhật-ba, một đại sư Tây Tạng)* trong tập luận *"Vòng bảo châu của sự Giải thoát"* (*The jewel Ornament of Liberation*) có trích dẫn câu sau đây trong *Kinh Varmayutta-mindesa*:

"Người bồ-tát ước mơ hóa thành một chiếc áo giáp,

Quàng lên tất cả chúng sinh chung quanh mình.

Thế nhưng chúng sinh thì vô tận,

Vì thế chiếc áo giáp của người bồ-tát cũng phải vô tận"

Mandala

Mandala *(dịch âm là Mạn-đà-la là một biểu đồ biểu trưng cho vũ trụ và sự giác ngộ)* của người bồ-tát, nói lên nguyện vọng và niềm ước mong của họ được trở thành trung tâm của một mạn-đà-la giúp mình gom lại tất cả chúng sinh chung quanh mình, sự kết đoàn chung quanh một người bồ-tát đó được những người Phật giáo gọi là "tăng đoàn", (*sangha*), có nghĩa là một tập thể tâm linh. Vì thế người ta có thể xem một tập thể tâm linh *(tăng đoàn)* là một mạn-đà-la, và nơi trung tâm của mạn-đà-la đó là một vị Phật hay một vị bồ-tát.

Người bồ-tát do đó là hiện thân của một sự hài hòa và sáng tạo *(mô hình của vũ trụ là một sự sáng tạo)*. Thật vậy đó là cả một khối người, đang đấm đá nhau, gây gổ với nhau, tìm cách không chế nhau để gom góp của cải. Người bồ-tát hiện ra giữa họ để dần dần biến sự hỗn loạn đó của họ trở thành một vũ trụ (cosmos), một mạn-đà-la thật tuyệt vời, và cũng có nghĩa là biến toàn thể xã hội trở thành một tập thể tâm linh *(một tăng đoàn)*. Điều đó có nghĩa là một khi đã phát động nguyện vọng đạt được sự giác ngộ vì sự an lành của tất cả [chúng sinh], thì tức khắc một sự rung động *(một xúc cảm, một cảm nhận sâu xa)* nào đó cũng sẽ hiện lên với mình, và tất cả những người đang hiện hữu chung quanh mình cùng với mình sẽ tạo ra một mạn-đà-la.

Những gì trên đây phản ảnh từng chi tiết các khóa tu học do chúng ta tổ chức. Những người tham gia lúc mới đến thì tâm trí còn cất chứa đủ mọi ý niệm dị biệt và mang các tâm trạng khác nhau. Thế nhưng khi bắt đầu hoạch định chương trình cho khóa tu học, dù được tổ chức trong khung cảnh nào: tại gia hay nơi làm việc, trong lúc đang nghỉ hè, thì mọi người đều hành xử một cách hài hòa và hợp nhất hơn. Cũng vậy, bất cứ một sự thúc đẩy nào hay một nhân tố nào cũng đều tạo ra các tác động của chúng, Các tác động đó cũng có thể sẽ vận hành phù hợp với nguyện vọng của mình, và dầu sao đi nữa thì nguyện vọng của mình cũng là như thế *(gom lại và kết hợp tất cả chúng sinh trong một mạn-đà-la tuyệt đẹp, an bình và hạnh phúc)*.

Chúng ta có thể tưởng tượng ra vị thế của mình trong mạn-đà-la đó, dù mình chỉ là người canh cửa hay một vị thần linh đang hiến dâng lễ vật [trong mạn-đà-la đó], hoặc bất cứ một nhân vật huyền thoại *(một vị bồ-tát hay một vị Phật)* nào mà mình cố gắng sẽ trở thành *(bằng phép thiền định quán tưởng)* trong cuộc đời tu tập của mình, và chỉ khi nào phát động được một nghị lực tâm linh *(sức mạnh tập trung mang lại từ sự tu tập)* thì nhất định mình sẽ tìm được cho mình một vị trí trong mạn-đà-la đó.

Hiến dâng giáo huấn và văn hóa

Sự hiến dâng thứ ba của người bồ-tát là giáo huấn và văn hóa. Tại Á châu và tại bất cứ nơi nào Phật giáo được đưa vào, thì ngoài cuộc sống tâm linh *(sự tu tập)* Phật giáo còn mang theo cả nghệ thuật, khoa học và cả các lãnh vực hiểu biết khác. Thật vậy, không có một sự tách biệt nào giữa tín ngưỡng và văn hóa. Con tim và lý trí - xuyên qua các sinh hoạt nghệ thuật và khoa học *(sự hiểu biết nói chung)* - sẽ trở nên tinh tế hơn, cùng hòa điệu với hiện thực tâm linh *(tín ngưỡng là một trong số các nguồn cảm hứng sâu xa trong các lãnh vực nghệ thật, từ hội họa, âm nhạc, điêu khắc, văn chương cho đến thi phú, ảnh*

hưởng đến cả bản năng truyền giống mà người ta thường gọi là "tình yêu").

Một trong các khía cạnh quan trọng trong sự sinh hoạt của người bồ-tát là khuyến khích sự sáng tạo, chiêm ngưỡng các công trình nghệ thuật, đào sâu sự suy nghĩ và phổ biến sự hiểu biết mang lại từ các nghành nghiên cứu khác nhau, giúp mình khám phá và mô tả sự thật và các nét đẹp.

(Phật giáo sau khi phát triển thật quy mô dưới triều đại của vua Azoka vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch đã được đưa vào các nước Tích-lan, Miến-điện, Thái-lan, Lào, Campuchia, Tây Tạng, Mã-lai và Indônêxia, đồng thời cũng mang theo cả chữ viết ngoằn ngoèo bhrami , cùng văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, nói chung là nền văn minh Ấn-độ. Trong các ngôn ngữ ngày nay của các quốc gia này có nhiều từ gốc tiếng Phạn và tiếng Pali. Trái lại về phương bắc, Phật phải trải qua một cuộc phiêu lưu thật dài xuyên qua các con đường tơ lụa tại Trung đông và vùng Tây-vực. trước khi được đưa vào Trung-quốc. Trong cuộc phiêu lưu gay go và thật dài đó Giáo huấn của Đức Phật đã phải chịu ảnh hưởng của các tín ngưỡng trong vùng Trung-đông. Sau đó khi được đưa vào Trung quốc thì Giáo huấn của Đức Phật lại phải tiếp xúc với một nền văn minh lâu đời của đế quốc này, Giáo huấn của Đức Phật lại một lần nữa phải thích ứng với nền văn minh Khổng và Lão giáo. Tịnh độ tông được hình thành vào các thế kỷ thứ III và thứ IV, Thiền tông được thiết lập vào thế kỷ thứ VIII. Các nước Việt Nam, Triều-tiên và Nhật-bản trực tiếp thừa hưởng nền Phật giáo đó của Trung quốc, cùng với chữ viết tượng hình, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, tư tưởng, phong tục, kể cả nề nếp gia đình và xã hội).

Bures-Sur-Yvette, 06.11.20

Hoang Phong chuyển ngữ

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

389

Chớ có đập Phạm chí!
Phạm chí chớ đập lại!
Xấu thay đập Phạm chí
Đập trả lại xấu hơn!

Bóng ngược

Minh Đức - Triều Tâm Ảnh

Bóng ta
Đi lộn ngược đầu
Chân dài theo vết
Qua cầu cắt đôi
Nửa này
Cát bụi rã rời
Nửa kia
Đón chiếc mây trời
Quá giang!

Câu Chuyện Thật Của Một Bác Sĩ Chuyên Khoa Tâm Thần, Một Bệnh Nhân Trẻ Của Ông, và Cách Chữa Trị Tiền Kiếp Đã Thay Đổi hẳn Đời Sống của Cả Hai.

Bác Sĩ Brian L.Weiss Phó Gs, Khoa Tâm Thần tại Trường Y Khoa Đại Học Miami, Florida
Thích Tâm Quang dịch

(Khởi đăng từ Ns **PHẬT HỌC** số **327**)

CHƯƠNG MƯỜI BA

Catherine đã loại bỏ được những triệu chứng đau buồn. Cô khỏe mạnh hơn mọi khi. Những kiếp sống của cô bắt đầu được nhắc lại. Tôi biết chúng tôi đang gần kề điểm chót, nhưng điều tôi không hiểu là vào cái ngày thu này khi cô lại đi vào hôn mê thôi miên thì năm tháng trời trôi qua từ buổi này đến buổi kế tiếp, sẽ là buổi cuối cùng.

Cô bắt đầu, "Tôi nhìn thấy những bức chạm. "Một số được làm bằng vàng. Tôi nhìn thấy đất sét. Người ta làm bình. Những cái bình đỏ ... họ dùng một loại nguyên liệu đỏ. Tôi nhìn thấy một tòa nhà nâu, một loại kiến trúc nâu. Đó là nơi chúng tôi đang ở đấy."

"Cô ở trong tòa nhà nâu hay ở gần tòa nhà ấy?"

"Tôi ở trong. Chúng tôi đang làm những công việc khác nhau."

Tôi hỏi, "Cô có thể nhìn thấy chính cô trong khi đang làm việc không?" "Cô có thể miêu tả chính cô không, cô ăn mặc ra sao? Hãy nhìn xuống. Trông cô thế nào?"

"Tôi mặc loại áo dài đỏ... Tôi có đôi giầy ngộ nghĩnh, giống như dép. Tóc tôi nâu. Tôi đang làm việc đắp hình người. Đó là hình một người đàn ông...một người đàn ông. Người này có một loại gậy... một cái gậy ở trong tay. Những người khác đang làm những đồ bằng kim khí."

"Có phải làm trong một xưởng không?"

"Chỉ là một tòa nhà. Tòa nhà được làm bằng đá."

"Bức tượng cô đang làm, người đàn ông với cái gậy, cô biết người ấy là ai không?'

"Không, chỉ là một người đàn ông. Người trông nom trâu bò ...những con bò cái. Có nhiều tượng ở chung quanh đây. Chúng tôi chỉ biết trông thấy chúng giống như thế. Nó làm bằng một loại nguyên liệu là lạ. Rất khó làm. Nó cứ vỡ ra."

"Cô có biết tên của nguyên liệu đó không?"

"Tôi không nhìn thấy. Chỉ biết là một thứ gì đó đo đỏ".

"Cái gì sẽ xẩy ra sau khi cô đã làm xong tượng?"

"Tượng sẽ được đem bán. Một số sẽ được đem bán ngoài chợ. Một số sẽ được cho những nhà quý phái khác nhau. Chỉ những sản phẩm đẹp nhất sẽ được đưa đến các nhà quý tộc. Phần còn lại sẽ được bán".

"Có bao giờ cô được giao thiệp với những nhà quý phái này không?"

"Không."

"Đây là công việc của cô phải không?"

"Phải"

"Cô có thích công việc của cô không?"

"Có"

"Cô đã làm công việc này lâu rồi phải không?"

"Không."

"Cô làm tốt chứ?"

"Không tốt lắm"

"Cô cần nhiều kinh nghiệm hơn phải không?"

"Phải, tôi đang học."

"Tôi hiểu. Cô vẫn sống với gia đình đấy chứ?"

"Tôi không biết, nhưng tôi nhìn thấy những cái lều mầu nâu."

Tôi nhắc lại, "Lều nâu"

"Chúng có khe hở nhỏ. Chúng có đường dẫn vào và một số tượng ở bên trong cửa. Những tượng này làm bằng gỗ, một loại gỗ. Chúng tôi phải làm tượng cho các lều này".

"Chức năng của những tượng là gì?"

Cô trả lời, "chúng để cho tôn giáo"

"Tôn giáo gì ở đấy - bức tượng?"

"Có nhiều thần, nhiều bảo vệ... nhiều thần. Người ta rất sợ hãi. Có nhiều việc được làm nơi đây. Chúng tôi cũng làm những đồ chơi ... những bảng chơi cờ có lỗ trong đó. Những đầu súc vật đi vào những lỗ đó."

"Cô có nhìn thấy gì khác nữa không?"

"Trời rất nóng, rất nóng và bụi bậm ... cát."

"Có nước ở đâu đấy không?"

"Có, nước xuống từ núi". Kiếp sống này bắt đầu có vẻ quen thuộc.

Tôi thăm dò, "Người ta có sợ hãi à? Họ có dị đoan không?"

Cô trả lời, "Có. Họ rất sợ hãi. Người nào cũng sợ hãi. Tôi cũng sợ hãi. Chúng tôi phải tự bảo vệ. Có bệnh. Chúng tôi phải tự bảo vệ".

"Bệnh gì?"

"Một loại bệnh giết mọi người. Nhiều người đang chết".

Tôi hỏi, "Bệnh do nước?"

"Phải, Rất khô... rất nóng, vì các thần tức giận, và các thần đang trừng phạt chúng tôi". Cô đang đi thăm lại kiếp sống với cách trị bệnh bằng tannis. Tôi công nhận tôn giáo của sợ hãi, tôn giáo của Osiris và Hathor.

"Tại sao các thần tức giận?", tôi hỏi nhưng đã biết câu trả lời.

"Vì chúng tôi không tuân theo luật lệ. Các thần tức giận".

"Không tuân theo luật lệ nào?"

"Những luật đã được ấn định bởi những nhà quý phái".

"Làm sao để các thần nguôi giận?"

"Phải mặc một số thứ. Một số người mang các thứ chung quanh cổ. Những thứ này giúp chống lại ma quỷ."

"Vị thần nào mà người ta sợ nhất?"

"Họ sợ tất cả các thần".

"Cô có biết tên vị thần nào không?"

“Tôi không biết tên. Tôi chỉ nhìn thấy họ thôi. Có một vị thần có thân như người nhưng đầu thú. Có một vị thần khác giống như mặt trời. Có một vị thần giống như con chim, vị thần này đen. Các vị thần quấn dây trên cổ".

"Cô sống sót qua tất cả điều này?"

"Phải, Tôi không chết".

"Nhưng những thân nhân của cô chết". Tôi nhớ lại.

"Phải, ... cha tôi; Mẹ tôi không sao."

"Anh cô?"

" Anh tôi ... anh ấy chết." Cô ấy nhớ lại.

"Tại sao cô sống sót? Có gì đặc biệt về cô không? Điều gì cô đã làm?"

"Không", cô trả lời rồi thay đổi điểm trọng tâm. "Tôi hình như thấy thứ gì có dầu bên trong".

"Cô nhìn thấy gì?"

"Thứ gì trắng. Nó giống như đá hoa. Nó là ... thạch cao tuyết hoa... một loại chậu nào đó... có dầu trong đó. Dầu để sức lên đầu..."

"... của các thầy tu." Tôi nói thêm.

"Phải"

"Nhiệm vụ của cô là gì bây giờ? Cô giúp xức đầu à?"

"Không. Tôi làm các bức tượng".

"Có phải vẫn ở trong tòa nhà nâu không?"

"Không... sau này là một cái đền." Trông cô như lo lắng vì lý do nào đó.

"Cô có vấn đề gì ở đó?"

"Người nào đó đã làm gì ở trong đền làm các thần tức giận. Tôi không biết".

"Có phải là cô không?"

"Không, không ... Tôi chỉ nhìn thấy những thầy tu. Họ đang sửa soạn lễ hiến tế, giết súc vật ... giết cừu. Đầu họ hói. Không có tóc trên đầu họ, cũng chẳng có trên mặt họ..."

Cô rơi vào im lặng, và ít phút trôi qua. Đột nhiên cô trở nên tỉnh táo hồ như cô nghe thấy gì đó. Khi cô nói, giọng cô sâu. Một Bậc Thầy hiện diện.

"Chính trên bình diện này một số linh hồn được phép xuất hiện trước những người vẫn còn ở trong dạng thức thể chất. Họ được phép trở về ... chỉ khi họ đã để lại một số giao kèo chưa hoàn tất. Trên bình diện này sự liên lạc với nhau được phép. Nhưng trên những bình diện khác ... Đây là chỗ bạn được phép sử dụng khả năng tâm linh để truyền thông với người trong dạng thức thể chất. Có nhiều cách làm việc này. Một số được phép dùng thần nhãn và có thể hiện ra trước những người còn ở trong dạng thức

thể chất. Những người khác có quyền năng hành động được phép dùng ngoại cảm để di chuyển đồ vật. Bạn chỉ có thể đi đến bình diện này nếu việc đi này hữu ích cho bạn khi đến đấy. Nếu bạn để lại giao kèo chưa được hoàn tất, bạn có thể quyết định đến đây và truyền thông một cách nào đó. Nhưng đó là tất cả những gì... mà giao kèo phải được hoàn tất. Nếu đời bạn đột nhiên bị chấm dứt, thì đó có thể là lý do để bạn đi đến bình diện này. Nhiều người chọn đến đây vì họ được phép nhìn thấy những người vẫn ở trong dạng thức thể chất và rất gần gũi với họ. Nhưng không phải mọi người đều chọn cách truyền thông với những người này. Với một số người, việc này có thể quá sợ hãi." Catherine rơi vào im lặng và dường như đang nghỉ ngơi. Cô bắt đầu thì thào rất dịu dàng.

"Tôi nhìn thấy ánh sáng"

Tôi hỏi, "Có phải ánh sáng này cho cô năng lượng phải không?"

"Nó giống như bắt đầu lại ... nó là một sự tái sinh".

"Làm sao người trong dạng thức thể chất cảm thấy năng lượng này? Làm sao họ có thể kết nối với nó và được nạp lại năng lượng?"

Cô trả lời dịu dàng, "Bằng tâm họ".

"Làm sao họ có thể tiến tới trạng thái này?".

"Họ phải ở trong trạng thái rất thoải mái. Bạn có thể hồi phục lại do ánh sáng ... do ánh sáng. Bạn phải hết sức thoải mái cho nên bạn không còn tiêu thụ năng lượng, nhưng bạn đang tự hồi phục lại. Khi bạn ngủ, bạn hồi phục lại". Cô đang ở trong trạng thái siêu thức và tôi quyết định mở rộng câu hỏi.

Tôi hỏi, "Cô đã tái sinh bao nhiêu lần? Tất cả những lần tái sinh đều ở đây, trong môi trường này, trái đất, hay ở nơi nào khác?"

Cô trả lời, "Không, không phải tất cả ở đây".

"Ở bình diện nào, bình diện nào, cô đến?".

"Tôi chưa làm xong việc tôi phải làm tại đây. Tôi không thể đi tiếp cho đến khi tôi đã trải nghiệm tất cả sự sống, và tôi chưa trải nghiệm xong. Sẽ có nhiều kiếp sống ... để hoàn thành tất cả những giao kèo và tất cả những nợ nần thiếu".

Tôi nhận xét, "Nhưng cô đang có tiến bộ".

"Chúng ta luôn luôn có tiến bộ".

"Đã bao nhiêu lần cô đã có kiếp sống trên trái đất?"

"Tám mươi sáu".

"Tám mươi sáu?"

"Phải".

"Cô có nhớ tất cả những kiếp sống này không?"

"Tôi sẽ nhớ, khi điều đó là quan trọng đối với tôi để nhớ lại những kiếp sống ấy". Chúng ta đã trải nghiệm hoặc những mảnh vụn hoặc những phần chính của mười hay mười hai kiếp sống, và sau này những kiếp sống đã được lặp lại. Hiển nhiên, cô không cần phải nhớ bảy mươi sáu kiếp sống còn lại hay những kiếp sống ấy. Quả thực cô đã có những tiến bộ xuất sắc, ít nhất trong thời

gian làm việc với tôi. Tiến bộ nào cô đã đạt được ở đây, từ điểm này, không lệ thuộc vào ký ức về các kiếp sống. Tiến bộ tương lai của cô có thể cũng không lệ thuộc vào tôi hay sự giúp đỡ của tôi. Cô lại bắt đầu thì thào nhè nhẹ.

"Một số người tiếp xúc bình diện thiên thể bằng cách dùng ma túy, nhưng họ không hiểu điều họ đã trải nghiệm. Nhưng họ đã được phép vượt qua. Tôi không hỏi cô về ma túy. Cô đang dạy, chia sẻ kiến thức, dù tôi hỏi cụ thể hay không.

"Không thể sử dụng sức mạnh tâm linh của cô để giúp cô tiến bộ ở đây?", tôi hỏi, "Cô dường như phát triển sức mạnh này càng ngày càng nhiều".

Cô đồng ý, "Đúng, quan trọng, nhưng không quá quan trọng ở đây như sẽ ở trên các bình diện khác. Đây chỉ là một phần của tiến hóa và phát triển".

"Quan trọng cho tôi và cho cô?"

Cô đáp lại, "Quan trọng cho tất cả chúng ta".

"Làm sao chúng ta phát triển khả năng này?"

"Ông phát triển qua những mối quan hệ. Có một số người có quyền năng cao hơn đã trở lại với nhiều kiến thức hơn. Họ sẽ tìm ra những người cần sự phát triển và giúp những người này". Cô lại rơi vào im lặng rất lâu. Rời bỏ trạng thái siêu thức cô lại đi vào một kiếp khác.

"Tôi nhìn thấy đại dương. Tôi nhìn thấy một ngôi nhà gần đại dương. Nhà trắng. Tầu bè đi lại ở hải cảng. Tôi ngửi thấy mùi nước biển".

"Cô ở đấy phải không?"

"Đúng vậy".

"`Cái nhà ấy trông thế nào?"

"Nó nhỏ thôi. Có một loại tháp nào đó ở trên nóc... một cái cửa sổ có thể nhìn ra ngoài nhìn ra biển. Có một kính viễn vọng nào đó. Nó bằng đồng, gỗ và đồng."

"Cô có sử dụng kính viễn vọng này không?"

"Có, để theo dõi tầu bè."

"Cô làm gì?"

"Chúng tôi báo cáo về các thương thuyền khi chúng vào hải cảng". Tôi nhớ cô đã làm việc này ở một tiền kiếp, khi cô là Christian, người thủy thủ có tay bị thương trong một trận thủy chiến.

"Cô có phải là thủy thủ không?" Tôi hỏi chờ đợi sự xác nhận.

"Tôi không biết ... có thể ".

"Cô có thể nhìn cô ăn mặc thế nào không?"

"Có. Một loại áo sơ mi trắng quần sọc nâu và giầy có nút thắt lớn... Tôi là thủy thủ ở cuối đời, chứ không phải bây giờ".

Cô có thể nhìn về tương lai nhưng hành động này khiến cô nhẩy đến tương lai đó.

"Tôi bị thương", cô co rúm lại, quằn quại trong cơn đau. Tay tôi bị thương. Quả thực cô là Christian, và cô đang sống lại trận thủy chiến.

"Có một tiếng nổ?"

"Phải... tôi ngửi thấy mùi thuốc súng!"

"Cô sẽ không sao cả". Tôi trấn an cô vì đã biết hậu quả.

"Nhiều người đang chết !" Cô vẫn còn khích động. "Buồm bị rách ... một phần của hải cảng bị phá hủy". Cô đang chăm chú xem thiệt hại của con thuyền. "Chúng tôi phải sửa lại buồm. Buồm phải được sửa chữa".

Tôi hỏi, "Cô đã bình phục chưa?"

"Vâng, khâu vải trên những cột buồm thật là khó".

"Cô có thể làm bằng tay của cô không?"

"Không, nhưng tôi đang quan sát những người khác... những cánh buồm. Buồm làm bằng vải bạt, loại vải bạt nào đó, rất khó khâu... Nhiều người đã chết. Họ đau đớn nhiều." Cô co rúm người lại.

"Cái gì thế?"

"Đau này ... ở tay tôi".

"Tay cô lành rồi. Hãy tiến xa hơn. Cô có đi biển nữa không?"

"Có" Cô ngưng. "Chúng tôi đang ở phía Nam Wales. Chúng tôi phải bảo vệ bờ biển".

"Ai tấn công?

"Tôi tin là người Tây Ban Nha. . Họ có chiến thuyền lớn".

"Cái gì sẽ xảy ra?"

"Tôi chỉ nhìn thấy con tàu. Tôi nhìn thấy hải cảng. Có những cửa hàng. Ở một số cửa hàng, họ làm nến. Có những cửa hàng bán sách."

"Vâng. Cô có bao giờ vào tiệm sách không?" "Có. Tôi rất thích những tiệm sách này. Những sách thật là tuyệt vời... Tôi nhìn thấy nhiều sách. Cuốn sách đỏ là lịch sử. Sách viết về những thành phố... đất đai. Có những bản đồ. Tôi thích cuốn sách này... Có cửa hàng bán mũ".

Tôi nhớ đến Christian mô tả về bia, "Có nơi nào ở đấy cô uống rượu không?"

Cô đáp, "Có rất nhiều. Họ bán bia... bia mầu rất sẫm... với loại thịt nào đó... loại thịt cừu và bánh, bánh rất lớn. Bia rất đắng, rất đắng. Tôi có thể nếm thấy. Họ cũng có cả rượu vang và những bàn gỗ dài. "

Tôi quyết định gọi cô bằng tên, để xem phản ứng. "Christian". Tôi gọi lớn

Cô trả lời lớn tiếng, không lưỡng lự. "Có! Ông muốn gì?"

"Christian, gia đình anh ở đâu?"

"Họ đang ở một thành phố gần kề. Chúng tôi ra khơi từ hải cảng này".

"Có những ai trong gia đình anh?"

"Tôi có một người chị... một người chị, Mary".

"Bạn gái của anh ở đâu?"

"Tôi không có bạn gái. Chỉ là những phụ nữ trong thành phố".

"Không ai đặc biệt?"

"Không, chỉ là phụ nữ ... Tôi lại ra khơi. Tôi đã đánh nhiều trận, nhưng tôi không sao cả".

" Anh đã già ..."

"Vâng"

"Anh đã bao giờ lấy vợ chưa?

"Tôi tin là đã. Tôi nhìn thấy cái nhẫn".

"Anh có con không?

"Có. Con trai tôi cũng sẽ đi biển... Có một cái nhẫn, một cái nhẫn với một bàn tay. Bàn tay cầm thứ gì đó. Tôi không nhìn thấy nó là cái gì . Cái nhẫn là bàn tay, một bàn tay nắm chặt cái gì đó". Catherine bắt đầu nôn ọe.

"Có việc gì không ổn?"

"Người trên thuyền đều bệnh... bệnh do đồ ăn. Chúng tôi đã ăn đồ ăn xấu, Thịt lợn muối". Cô tiếp tục nôn ọe. Tôi đưa cô ra khỏi thời gian ấy, và sự nôn ọe ngưng hẳn. Tôi quyết định không tiếp tục với cô qua bệnh đau tim của Christian nữa. Cô đã kiệt sức rồi, và tôi đưa cô ra khỏi hôn mê.

-ooOoo-

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Dải Áo Đứt

Xưa, một vì vua Trung Hoa mở dạ tiệc thiết đãi trăm quan. Yến tiệc đang linh đình thì một cơn gió mạnh ập đến, tất cả đèn đuốc đều phụt tắt. Trong bóng tối một cung nữ đến tâu với nhà vua:

- Muôn tâu bệ hạ, thừa dịp tối lửa tắt đèn, một tên vô lại đã cợt nhã với thần thiếp. Thiếp đã bứt được dải áo của hắn... xin bệ hạ cho truy tầm tội phạm ngay lập tức ạ!

Nghe xong vua liền truyền lệnh:

- Hỡi bá quan! Để tỏ dạ trung thành và hết lòng vui say với trẫm đêm nay, các khanh hãy bứt hết dải áo đi!

Mọi người y lời. Tiệc tan, nàng cung nữ đến nũng nịu trách nhà vua đã không chịu bắt tội phạm mà còn tạo cơ hội cho hắn phi tang.

Nhà vua mỉm cười đáp:

- Tửu sắc là những điều mà thường nhân khó ai tránh khỏi. Cho ta uống rượu say chuếnh choáng, cận kề bên nữ sắc, gặp cơ hội thuận tiện thì chính ngay bản thân trẫm cũng khó mà tự chủ. Còn như biết được tội phạm mà không trừng trị thì phép nước hết nghiêm minh... Lòng trẫm chưa được vô tư như thánh nhân khi biết rõ người phạm lỗi thì thà rằng chẳng biết còn hơn.

Về sau, nhà vua lâm nạn mọi người đều bỏ chạy, duy chỉ có một viên quan trẻ liều mình cứu giá. Nhà vua thoát chết, hỏi tên họ ân nhân. Chàng trẻ tuổi cung kính thưa:

- Muôn tâu thần chính là người bị bứt dải áo trong buổi dạ yến năm xưa.

Hai vua tôi đều xúc động./-

Vài khía cạnh trong thế giới quan của khoa học và Phật giáo

Võ Quang Nhân

Điểm nổi bật nhất làm cho Phật giáo đặc sắc so với các tôn giáo khác là việc có nhiều kết luận hay giáo huấn tương đồng với khoa học và phương pháp luận hiện đại.

Trong khi nền triết học cổ điển Tây Phương với chịu ảnh hưởng lớn về thần linh, thượng đế thì ở Đông Phương đúng hơn là Ấn độ, đã có một nền văn minh vô cùng rực rỡ mà cho đến nay các nhà khảo cổ học, và các nhà khoa học chưa khám phá được hết mức độ sâu rộng cũng như những kiến giải về vũ trụ và thế giới chính xác đến độ bất ngờ đặc biệt là trong các kinh điển Phật Giáo, một tôn giáo "vô thần".

Thật vậy, ra đời vào khỏang thế kỉ thứ 6 trước công Nguyên trong bối cảnh xã hội phân hoá cực kỳ phức tạp của xứ Ân mà đạo Bà La Môn ngự trị. Thích Ca Mâu Ni (Shakyamuni) cùng với các đồ đệ chỉ trong vòng vài trăm năm (*) đã khai hoá một hệ thống tư duy (trí huệ) hoàn toàn mới và họ đã để lại một kho kinh sách khổng lồ mà qua đó người ta có thể tìm rút ra được vô vàn những hiểu biết giải thích về thế giới và vũ trụ vẫn có giá trị cho đến tận thiên niên kỷ này.

Khi nói đến tôn giáo sẽ khó tránh cho chúng ta liên tưởng tới nhiều hình ảnh có tính cách thần linh hay siêu thực xa vời hay thậm chí mê tín, thụ động. Tuy nhiên, không ai có thể biết được chính xác những lời dạy ban đầu của Đức Thích Ca có dính dáng gì đến những hình thức tôn giáo trong đó kể cả các hoạt động tích cực hay tiêu cực hiện nay của Phật giáo. Bởi vì ở thời mà đức Phật giảng dạy thì không được ghi nhận nguyên văn. Chỉ có những kinh sách được chép và dịch lại sau này nên chắc khó tránh khỏi sự điều chỉnh hay sửa chữa của những thế hệ sau đó. Chưa kể rằng, ngay chính trong thời gian thuyết pháp, Đức Thích Ca đã tuỳ theo hiểu biết, lòng tin, và kinh nghiệm của từng đối tượng để truyền thụ giáo hoá chứ không cứng ngắt giáo điều. (Đây có lẽ cũng là nguyên do của việc phân hoá phong phú nhưng thống nhất trong tư tưởng của Phật giáo ngày nay).

Tạm thời bỏ qua các tranh cãi về tôn giáo, khi khảo cứu tham vấn các kinh điển Phật học, người ta có thể rút ra được nhiều quan điểm hay giải thích của Phật giáo về thế giới và con người cũng như nhiều phương pháp phân tích khoa học đã được dùng đến. Mặc dù các kinh điển tập trung nhiều trong việc giảng dạy các phương cách thoát khổ, ta vẫn tìm thấy khá đầy đủ những luận cứ và quan điểm của Phật giáo về thể tính vật lý của thế giới và vũ trụ. Ở đây ta chỉ dừng lại trên những ý niệm có liên quan nhưng không đi xa hơn để tránh lạc khỏi đề tài vật lý sử.

Đối thoại về Phật giáo và Khoa học

Giải thích của Phật giáo về nguồn gốc hình thành, và quy luật phát triển chung của vũ

trụ

Một trong những câu hỏi hóc buá và lâu đời nhất của vật lý và triết học là vũ trụ do đâu mà có? Nó vận động và phát triển ra sao? Hầu hết các quan điểm có được từ khi có câu hỏi trên cho tới khi Phật giáo ra đời đều mang nặng tính thần quyền và ngay cả đến thiên niên kỉ thứ hai này chúng ta vẫn còn thấy nhan nhản các lý thuyết dựa vào niềm tin lên đấng sáng thế, người có toàn quyền tạo ra vũ trụ. Vậy mà Phật giáo một tôn giáo lâu đời lại chạy ra khỏi các giáo điều cứng ngắt và thiết lập nên một hệ thống nhân sinh quan hoàn toàn vô thần. Theo các kinh điển của Phật giáo, vạn vật bất kể sinh giới hay vật chất phải tuân theo những qui luật tác động một cách không thiên vị lên chúng.

Điều quan trọng nhất cần đề cập là nguyên lý Nhân-Quả. Nguyên lý này cho rằng mọi hành vi, vận động đều gây ra các hậu quả tất yếu của nó. Các hậu quả này trước hay sau sẽ đến lúc quay ngược lại tác động vào chính chủ thể của hành vi vận động ban đầu. Đây là nguyên lý bao trùm các hoạt động của vũ trụ.

So sánh ra, thì nguyên lý này là một sự mở rông của nguyên lý tương tác lực và phản lực mà Newton đã phát biểu. Cái khác ở đây, theo Phật giáo qui luật Nhân -Quả không chỉ đúng cho thế giới vật chất mà nó còn đúng luôn cho cả thế giới giới tâm lý con người.

Phật giáo cho rằng mỗi hiện tượng mà ta có thể nhận biết hay suy diễn ra (hay ngay cả các hiện tượng mà ta chưa đủ khả năng để quan sát qua các giác quan hoặc qua suy diễn), đã là kết quả của sự phối hợp từ các nhân tố vận động (nhân) kết hợp với điều kiện sẵn có của môi trường (duyên).

Điều này thì chúng ta đã có thể thấy rất rõ trong thế giới sống: một hạt giống không thể nảy mầm và phát triển mạnh mẽ nếu không có các điều kiện thích hợp của môi trường. Mặc dù, hạt giống có thể tự thân nó mang những tính trạng rất khoẻ.

Tiếp xa hơn, luật Nhân-quả không chỉ đứng yên hay tác động trên một sự kiện cô lập mà nó có tính phổ dụng trong toàn vũ trụ. Nghĩa là bất kể vật thể có kích cỡ nhỏ hay to có đời sống dài hay ngắn đều phải tuân theo sư chi phối của luật nhân quả.

Và chuỗi nhân quả luôn luôn xãy ra tác động nhau. Mỗi hậu quả của các vận động, tác động một lần nưã cùng với sự biến chuyển mới của môi trường sẽ là tiền đề tạo điều kiện cho các vận động và tương tác mới … và tập hợp những vận động và tương tác hợp thành một vòng luân chuyển không ngừng nghĩ gọi là “trùng trùng duyên khởi”.

Lửa Tam Muội kỳ diệu qua góc nhìn Phật giáo và khoa học

Như vậy, theo cái nhìn của Phật giáo, vũ trụ là sự vận động và tương tác lẫn nhau của các hiện tượng tiếp nối không có bước đầu và cũng không có kết thúc. Các hiện tượng này liên tục, sinh diệt và chuyển biến theo luật nhân quả. (Pháp Duyên Khởi)

Quan điểm duyên sinh trong Phật giáo cho ra một hệ quả là không có vật thể nào có thể tồn

tại độc lập mà chúng nương tựa vào nhau tồn tại hài hoà nhau. "Vật này có, cho nên vật khác có, cái này không thì cái kia cũng không; vật này sinh, cho nên vật khác sinh, mà cái này diệt thì cái kia cũng diệt". (trích – Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận – chương 1 của Kimura Taiken Thích Diễn Bồi dịch).

Ở đây ta có thể so sánh với việc cho rằng cả vũ trụ này tồn tại bởi sự tương tác lẫn nhau của vật chất (bằng các lực vật lý chẳng hạn) và không thể nào có một vật thể riêng biệt hoàn toàn không tương tác với các vật thể còn lại.

Các ảnh hưởng tương tác lẫn nhau của các sự kiện trong đời sống có khi sâu rộng hơn như chúng ta tưởng. Theo Stephen Hawking, đã trình bày trong chương 4 của quyển "vũ trụ trong một vỏ hạt" xuất bản năm 2001 rằng: "Một con bướm vỗ cánh ở Tokyo có thể gây ra mưa ở công viên trung tâm ở New-york" đã phần nào chứng thực cho cái ý tưởng duyên khởi của nhà Phật.

Quan Điểm của Phật Giáo về Sự chuyển hoá của thế giới vật lý

1. Vai Trò Đấng Sáng Thế và sự thành hoại của vật chất

Kế đến, phải kể tới nguyên lý Vô Thường: Phát biểu ngắn gọn của nguyên lý này là không có vật gì thường tồn vĩnh cửu hay có thể ở mãi trong trạng thái nhất định. Một hệ quả đơn giản là mọi vật có lúc sinh ra thì sẽ có lúc nó bị tiêu diệt.

Do đó, trong Phật giáo không tồn một đấng vĩnh hằng. Nếu có chăng thì đấng vĩnh hằng đó chính là tính không của vạn vật

Mặc dù có sự tạm phân chia sinh giới ra làm 6 loại trong đó có trời, (và tiếp theo là người, a-tu-la, súc sinh, ngạ quỉ, và địa ngục) Nhưng ở đây vai trò của trời (các đấng phạm thiên) không phải là tối hậu mà tất cả đều phải tuân theo luật nhân quả.

Một phần cũng do việc phủ nhận sự tồn tại một đấng sáng tạo của vũ trụ này mà nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng: "Phật giáo là một khoa hoc". Ngày nay, nguyên lý vô thường đã được chứng minh rộng rãi trong các lý thuyết vật lý hiện đại đặc. Từ một hạt cơ bản cho đến … vũ trụ bao la cũng đều có thời hạn tồn tại của nó! Ngoài ra, vật chất luôn luôn chuyển hoá không ngừng.

Mỗi sự kiện hay sự vật đều có 4 thời kỳ chính đó là hình thành (thành), tồn tại và lớn lên (trụ), hao mòn và huỷ hoại (hoại), và chân như (không) và không gì có thể thoát khỏi qui luật này.

Tỷ phú Phạm Nhật Vượng lập giải thưởng khoa học toàn cầu lên đến 4,5 triệu USD

2. Vũ trụ vô cùng

Một trong các lý thuyết được nhiều khoa học gia tin tưởng nhất về sự hình thành của vũ trụ đó là thuyết vụ nổ lớn (big bang). Ủng hộ giả thuyết này, có cả nhà vật lý thiên tài Stephen Hawking, người được xem là đã có những bước tiên phong trong nỗ lực thống nhất vật lý lượng

tử và thuyết tương đối . Thuyết này cho rằng vũ trụ bắt đầu từ một lỗ đen có kích thước cực nhỏ và có mật độ vật chất ở đó là vô hạn.

Trong Liên Hoa Kinh, đã có phần đề cập đến chuyện này, theo đó, các đại sư của Thiên Thai Tông thường dạy rằng "toàn bộ vũ trụ nằm gọn trong đầu một hạt cải". Như vậy, rõ ràng triết lý Phật giáo có thể đã thấy được từ lâu hiện tượng vũ trụ không có kích thước này.

Tuy nhiên, cũng theo theo quan điểm Phật giáo thì vũ trụ có số lượng thế giới lớn vô cùng tận. Số lượng thế giới giống như thế giới chúng ta đang sống thì "nhiều như cát ở sông Hằng":

1000 thế giới nhỏ = 1 tiểu thiên thế giới1000 tiểu thiên thế giới = 1 trung thiên thế giới1000 trung thiên thế giới= Tam thiên đại thiên thế giới.Vũ trụ không chỉ có một Tam Thiên đại thiên thế giới mà có đến vô số.

Và theo chu kì "thành, trụ, hoại, không" thì sự khi thế giới này hình thành cũng sẽ có sự tận diệt của thế giới khác, cứ như thế luân chuyển không bao giờ dứt.

Triết học tánh không và Cấu trúc của vật chất

1. "Vạn Vật Đều Có Tánh Không"

Về luận lý, thì trong Phật học không có sự tồn tại của trạng thái nhị nguyên. Nghiã là không có sự phân biệt giuã hai trạng thái 1 và 0, có và không, … Nguyên do của sự phân biệt này là do chính tự tâm lí con người phân biệt mà ra (bằng các qui ước và định nghiã). Thế giới tự nó không có sự tách rời phân biệt. Thay vào đó, trạng thái có và không chỉ là sự biểu hiện một thực thể. Sự tồn tại của một hiên tượng (pháp) bất kì phải gắn liền với môi trường đã tạo ra nó và tự nó không thể tồn tại độc lập (vạn vật đều không có tự tính).

Có thể đây là khái niệm khó khăn và được bàn thảo, tranh cải nhiều nhất cho người làm khoa học. Chúng ta tạm gọi đây là quan niêm nhất nguyên (hay tánh không). Trong đoạn kế ta sẽ đề cập thêm

Các nhà khoa học tìm thấy hình Đức Phật khắc trên đá ở Siberia

2. Cấu thành của vật chất và định luật bảo toàn năng lượng

Có Một câu hỏi khác cũng không kém phần quan trọng và lâu đời trong thế giới vật lý. Đó là câu hỏi về sự cấu tạo của vật chất. Gần như mãi cho đến cuối thế kỷ 20 người ta mới có được một câu trả lời tương đối rõ ràng dựa trên phương trình $E = mc^2$ do Einstein phát triển. Cái ý nghiã triết học nằm trong phương trình này là một sự khẳng định rằng vật chất đều chỉ là một dạng tích tụ của năng lượng.

Trong Phật học, vật chất thì được phân lớp một cách sơ khởi thành bốn loại (tứ đại) bao gồm: Đất dùng để chỉ tất cả những vật chất ở thể rắn, nước cho vật chất thể lỏng, gió cho thể khí, và dạng vật chất cuối cùng, lửa, chỉ năng lượng chuyển hoá thuần tuý. Các dạng vất này không tồn tại vĩnh cửu mà có thể bị chuyển hoá bởi luật vô thường. Theo quan niệm nhất nguyên thì các thể này chỉ là một (tính không) và tính

không này có tính phổ dụng cho vạn vật. (Nói nôm na theo các thiền học Phật giáo: 'vạn vật đều có Phật tính!' Tức là mọi vật đều có bên trong nó thể tính của chân lý)

Để dễ cho các bạn hình dung, thì ta có thể so sánh cách luận giải đó với luận giải của vật lý hiện đại rằng "vạn vật cho dù ở bất kì dạng gì đều có thể mô tả ở một dạng duy nhất đó là năng lượng!"

Đáng chú ý hơn nữa, khi mô tả trạng thái của vũ trụ thì trong bộ kinh ngắn (toàn bộ có khoảng hơn 160 chữ): "Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh" chỉ ra rõ ràng hơn: "…Thị chư pháp không tướng, bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm" (tạm dịch: vạn vật đều là tướng không, không sinh ra, không mất đi, không dơ, không sạch, không tăng, không giảm). Như vậy, bạn nghĩ sao về sự xác tín của điều này nếu ta liên tưởng tới định luật bảo toàn năng lượng của vật chất trong vũ trụ mà các nhà vật lý đang cổ suý?

3. Bản chất thật của vạn vật

Từ mấy ngàn năm trước, Phật giáo đã đưa khái niệm liên quan đến việc phủ nhận sự tồn tại của các dạng nhận thức từ con người về vật chất (tính "không"). Theo ý chỉ này thì tất cả các dạng thông tin mà ta nhận thức về vật chất đều không chính xác. Chẳng hạn, hãy xét hai khái niệm quan trọng nhất là "sắc" và "tướng".
Sắc là thuộc tính màu của vật chất mà chúng ta cảm nhận. Còn "tướng " là thuộc tính về hình dáng của vật chất. Như vậy tại sao lại phủ nhận hai thuộc tính này?

Cho đến nay thì người ta đã biết khá rõ rằng màu sắc chỉ là sự thụ cảm của mắt đối với một số bước sóng ánh sáng khác nhau và nó gần như là thuộc tính của tâm lý (hai sinh vật khác nhau có thể cảm nhận về màu khác nhau tuỳ theo kinh nghiệm và bẩm sinh của sinh vật đó)

Cấu trúc không gian của vật chất cũng tương tự, cấu thành bởi vô vàn những hạt cơ bản tùy theo khả năng nhận thức của con người hay cá nhân mà việc thấy biết về vật chất đó các khác nhau.

Nếu như đem cọng tóc phẳng trơn lên kính hiển vi điện tử thì ta sẽ có cảm nhận về hình dáng (tướng) của cọng tóc sẽ hoàn toàn khác (và có lẽ xấu xí và khá đúng hơn) với cảm nhận ban đầu.

Do đó, không thể vinh vào hai thuộc tính "sắc" và "tướng" mà cho rằng đó là thể tính chân lý của vật chất mà ta cảm thấy được. Tương tự như vậy cho âm thanh, cảm giác, nhận thức , …(Duy Thức Luận và Bát Nhã Tâm Kinh).

Cũng xin nói thêm ở đây việc phủ nhận mọi thứ trong Phật giáo nhằm mục đích giáo hoá rằng mọi cái nhìn, thụ cảm, suy diễn, quan điểm, hiểu biết, hay hành động của con người đều do tự tâm của chính con người đã dựa vào kinh nghiêm, bản năng, và các điều kiện tác động của môi trường mà có (vạn pháp duy tâm tạo) Nhưng những điều này lại không phải là thể tính chân lý của thế giới. Do đó, nếu hoàn toàn dựa vào hay tin vào những thấy biết của cảm quan sẽ bị sai lầm (vô ngã – vô chấp).

Nhà khoa học Albert Einstein có mối liên hệ nào với Đạo Phật?

Phương Pháp Luận — Khách quan tuyệt đối

Trong các nghiên cứu khoa học thì việc tách rời những thiên kiến, hay định kiến ra khỏi các đánh giá hay thực nghiệm khoa học đóng vai trò vô cùng quan trọng. Một lý thuyết càng khách quan bao nhiêu thì càng đem lại kết quả dự đoán chính xác bấy nhiêu. Tuy nhiên, khó mà một nhà nghiên cứu có thể hoàn toàn tách rời được các tư tưởng chủ quan của mình vào trong khoa học.

Thí dụ việc cho rằng vật nặng hơn sẽ rơi nhanh hơn nếu so sánh tốc độ rơi của hai vật trong cùng 1 thời điểm và cùng độ cao đã phổ biến từ rất xa xưa. Mãi cho đến khi … Galileo kiểm chứng lại rằng nó sai.

Trong vật lý cổ điển, việc chấp nhận thời gian phẳng lặng và độc lập với không gian đã được Newton mặc nhiên dùng trong các chứng minh của mình và cho đến nay thì hiểu biết này là … không hoàn toàn chính xác.

Ngay từ khi mới hình thành, các giáo huấn của Phật đã ý thức rõ ràng về những sai lạc mà con người đã mặc nhiên gán cho thế giới xung quanh và định kiến cho rằng đó là đặc tính thực của thiên nhiên.

Trong phần trên chúng ta đã thấy sự phủ nhận của các giáo huấn về sắc tướng và các cảm quan của cá nhân con người. Bên cạnh, Phật giáo còn chỉ rõ hơn nưã về sự sai sót này nhằm mục đích dẫn dắt tư tưởng con người đến việc nhìn nhận sự vật khách quan hơn (trí huệ) thông qua việc cho rằng "mọi thứ cảm nghĩ hay suy diễn đều là sản phẩm tâm lý của con người" (Tam giới duy tâm vạn pháp duy thức – Duy thức luận).

Từ đó, để hiểu và đạt được chân lí một cách đúng đắn thì việc quan trọng nhất là tránh tối đa việc dựa vào hay trụ vào bất kì một ý kiến, tri kiến, hay nhận thức nào từ các cơ quan thụ cảm mà cho đó là tuyệt đối (bất ưng trụ sắc sinh tâm, bất ưng trụ thinh, hương, vi, xúc, pháp sinh tâm, ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm. –Kim Cang kinh)

Như vậy, thế giới quan Phật giáo tiềm chứa một cái nhìn rất tương đối về các lý thuyết (pháp). Ngoài ra, việc khuyên bảo giáo đồ trong con đường đi tìm chân lý cũng đã ghi rõ là không được dựa vào sắc, âm hay các cảm xúc. (nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thinh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai – – Xin hiểu thêm Như Lai ở đây là biểu hiện của chân lý tối thượng của vạn vật chứ không phải là cá nhân xác thịt của Phật Thích Ca: "Như Lai giả, tắc chư Pháp như nghiã" — Kim Cang Kinh).

Phật giáo còn cho rằng: Chân lý không từ đâu đến cũng không đi về đâu; chân lý hiện hữu không có sự áp đặt từ bên ngoài ("Như Lai giả, vô sở tùng lai diệc vô sở khứ, cố danh Như lai" – Kinh kim Cang)

Thêm vào đó để tránh cho các tín đồ về sau trở nên cuồng tín hay mù quáng, Thích Ca còn dạy thêm: Không nên tin vào một phát biểu nếuchỉ vì đó là lời nói từ một đạo sư tiếng tăm, cũng không nên nên tin vào điều đó chỉ vì nếu đó là điều mà mọi người đều tin làmtheo. Mọi phán quyết đều nên được kiểm chứng bởi chính trí tuệ của mình.

Như vậy phương pháp mà Phật giáo dùng trong

các luận lý là hoàn toàn khách quan

Tiện đây, cũng xin nhắc thêm một phán đoán của Phật: "Trong một bát nước có chứa hàng vạn sinh linh" Đây đã là một phán đoán về sự tồn tại của thế giới vi sinh (vi trùng, vi khuẩn, …) mà bằng mắt trần người thời đó khó có thể kiểm nghiệm lại được. Sự tiên đoán này thì hiển nhiên được khẳng định từ khi người ta phát minh ra kính hiển vi.

Đức Phật là bậc thầy các nhà khoa học

Thay lời kết

Điểm nổi bật nhất làm cho Phật giáo đặc sắc so với các tôn giáo khác là việc có nhiều kết luận hay giáo huấn tương đồng với khoa học và phương pháp luận hiện đại. Việc phủ nhận đấng sáng thế và việc cho rằng mọi sự việc nếu xảy ra đều phải tuân theo các qui luật công bằng của thiên nhiên (nhân quả) đã đưa vị trí của Phật giáo lên ngang hàng với một nền khoa học chân chính.

Điều đáng gây ngạc nhiên để cho chúng ta và các nhà khoa học tự đặt câu hỏi và tìm cách trả lời là: Phật giáo đã ra đời từ hơn 2500 năm trước, khi mà con người chỉ có những công cụ sản xuất thô sơ. Không có dụng cụ thí nghiệm mà Phật giáo làm thế nào để hoàn bị được một hệ thống hiểu biết cho đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị thực dụng của nó?

Để thay cho lời kết luận của phần này xin trích lại hai câu nói của nhà vật lý học Albert Einstein: "Nếu có một tôn giáo nào mà có thể thoả mãn được các đòi hỏi của khoa học thì nó chính là Phật giáo".

Bởi vì:

"Phật giáo có những đặc tính mong muốn cho một tôn giáo phổ dụng của tương lai: Nó vượt quá khả năng thượng đế, tránh khỏi các giáo điều và các thần linh; nó bao hàm cả bản năng và tinh thần, và nó dựa trên nhận thức tôn giáo đòi hỏi mãnh liệt từ kinh nghiệm của vạn vật, từ bản năng và tinh thần, như là một sự thống nhất đầy ý nghĩa".

"If there is any religion that would cope with modern scientific needs it would be Buddhism."

"Buddhism has the characteristics of what would be expected in the cosmic religion for the future: It trancends a personal God, avoids dogma and theology; it covers both the natural and the spiritual, and it is based on a religious sense aspiring from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity." — Albert Einstein

Ghi chú:

(*) Sau khi Phật Thích Ca qua đời, thì Tăng đoàn Phật giáo thời bấy giờ đã trải qua 3 kì kiết Tập nhằm cũng cố và điều chỉnh các giới luật cũng như hoàn thiện kinh điển. Hầu hết các kinh điển Phật giáo còn sót lại là có từ 3 tạng kinh của kì kiết tập thứ 3 này do ngài Mahinda mang từ Ấn Độ sang đão Sri-Lanka; kinh viết bằng tiếng Phạn (Pali) các kinh điển này còn lưu giữ nguyên vẹn.

Tài liệu Tham Khảo:

Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba-La-Mật Đa Tâm KinhDuy Thức Luận
http://www.thuvienhoasen.org/index-kinhdien.htm
http://www.buddhanet.net/e-learning/history/s_scripts.htm
http://www.silk-road.com/artl/buddhism.shtmlwww.photogrammetry.ethz.ch/research/bamiyan/pub/isprsV_corfu02.pdf
Trung Luận "Phật Học Phổ Thông bài thứ 9: Vũ Trụ quan Phật Giáo" của Thích Thiện Hoa.
http://www.thuvienhoasen.org/phathocphothong-05-09.htm"
Lịch Sử Tư Tưởng và Triết Học Tánh Không" của Thích Tâm Thiện.
http://www.thuvienhoasen.org/tt-tanhkhong-02.htm"
Nhân sinh quan của Phật giáo" của Chu Sở
http://www.thuvienhoasen.org/nhansinhcuaphatgiao.htm
"Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận" của Kimura Taiken Thích Diễn Bồi dịch

Tôi vẫn đợi

Tuệ Sỹ

Tôi vẫn đợi những đêm dài khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù, tha thiết mãi
Một vì sao bên khoé miệng rưng rưng
Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen tuyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử
Dài con sông tràn máu lệ quê cha
Tôi vẫn đợi suốt đời quên sóng vỗ
Quên những người xuôi ngược Thái Bình Dương
Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa
Cọng lau gầy trĩu nặng ánh tà dương
Rồi trước mắt ngục tù thân bé bỏng
Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu
Rồi nhắm mắt ta đi vào cõi mộng
Như sương mai, như ánh chớp, mây chiều

Sài gòn 78

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Hoàng Ngọc Tuấn phổ nhạc vào năm 1986 thành bài hát cùng tên.

Nguồn: Tuệ Sỹ, *Giấc mơ Trường Sơn*, An Tiêm xuất bản, California, 2002

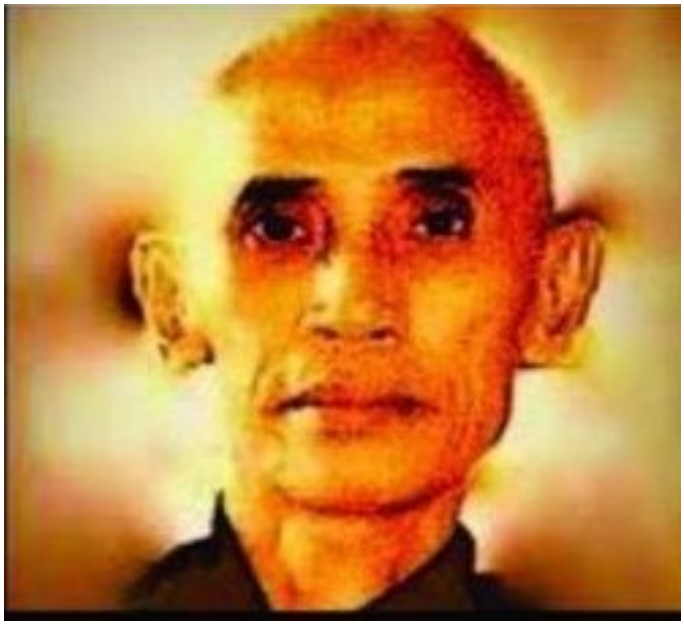

Thích Tuệ Sỹ

Thiền tông và Tịnh Độ tông: Chỗ gặp gỡ và không gặp gỡ

Hòa thượng Thích Thanh Từ

Tu các pháp môn của Phật giống như người leo núi. Một ngọn núi cao, người ở hướng Tây có lối lên của hướng Tây, người ở hướng Đông có lối lên của hướng Đông, hướng Nam, hướng Bắc cũng vậy. Trong bốn lối đó chúng ta thích lối nào thì đi lối đó. Đã chọn rồi phải quyết chí đi.

Tôn giả La Hầu La Đa: Vị tổ Thiền tông đời thứ mười sáu

Phật giáo Việt Nam chúng ta có chia ra nhiều tông phái, nhưng xét kỷ thì có ba tông: Thiền tông, Tịnh Độ tông và Mật tông. Song gần một trăm năm nay Thiền tông dường như ít ai biết đến mà chỉ biết Tịnh Độ thôi. Chúng tôi thấy sự kiện giữa Thiền và Tịnh rất quan trọng nên muốn giải thích cho quý Phật tử biết rõ điểm nào Thiền tông hòa hợp được với Tịnh Độ, điểm nào Thiền tông cách biệt với Tịnh Độ. Quý Phật tử nghe biết, không còn nghi ngờ trên đường tu.

Chỗ không gặp gỡ giữa Thiền và Tịnh

Điểm thứ nhất: Như chúng ta biết, tu Tịnh Độ thì luôn luôn lấy niềm tin làm trên, nên người tu Tịnh Độ phải có đủ Tín-Hạnh-Nguyện. Tín là lòng tin; tin chắc có cõi Cực Lạc, tin chắc mình niệm Phật sẽ được Phật rước về Cực Lạc. Từ tin chắc, mới khởi hành, tức cố gắng Niệm Phật, gọi là Hạnh. Niệm Phật rồi phải phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc. Như vậy mới đủ Tín-Hạnh-Nguyện, trong đó lòng tin là bước đầu trên đường tu.

Ngược lại, **Thiền tông** không lấy lòng tin, mà lấy Trí huệ làm bước đầu. Trí tuệ thì giản trạch, phân biệt; còn lòng tin thì khẳng định như vậy, cứ tin rồi làm thôi, thành ra hai bên khác n hau. Tu theo Thiền tông, muốn bước vào cửa Thiền phải đi từ cửa Không. Cửa Không chính là trí tuệ Bát Nhã. Từ trí tuệ Bát Nhã, nhận định hiểu thấu được sự thật của muôn pháp trên thế gian, không bị lầm mê cho giả là thật. Các pháp chỉ là tướng duyên hợp tạm bợ hư dối, biết như vậy, chúng ta không còn gặp khó khăn trong sự tu hành, tâm yên lặng thanh tịnh. Rõ ràng người tu Thiền muốn cho tâm thanh tịnh phải dùng trí tuệ quán chiếu thấu suốt, hiểu rõ không bị nhầm lẫn, nhờ thế không cố chấp, không vướng kẹt, cho nên tâm rỗng rang nhẹ nhàng. Đó là bước đầu của người đi vào đạo.

Điểm thứ hai: Tịnh Độ tông tu nguyện sanh về cõi Cực lạc. Có vị nào tu Tịnh Độ mà không cầu sanh về Cực Lạc đâu? Ai cũng niệm Phật để khi lâm chung được Phật đón về Cực Lạc. Trong kinh nói Cực Lạc ở phương Tây, cách cõi Ta Bà năm mười muôn ức thế giới. Thật là xa. Bởi vậy, nếu Phật không đón thì không biết đường đâu mà đi. Như chúng ta hiện giờ muốn qua

Nhật, qua Pháp hay qua Mỹ, nếu người chưa từng đi thì phải có thân nhân ở bên đó đón rước mới dám đi. Huống là cõi Cực lạc cách cõi Ta bà này tới mười muôn ức thế giới thì làm sao mà chúng ta dám đi? Do đó, phải niệm Phật và nguyện Phật đón tiếp chúng ta, khi nhắm mắt được về cõi Cực lạc. Như vậy, tu Tịnh Độ tức là chúng ta phóng ra ngoài, nhắm hướng Tây phương, nhắm cõi Cực Lạc để được sanh qua đó.

Còn **Thiền tông** dạy chúng ta tu quán sát lại nội tâm của chính mình. Về phần nội tâm, nhà Phật phân nhiều loại. Theo Duy thức học, chúng ta có những tâm vương, tâm sở. Trong tâm sở lại có tâm sở thiện, tâm sở ác... nhưng người tu Thiền không phân biệt như vậy, chỉ thấy trong tâm niệm của chúng ta, có những tâm mà lâu nay chúng ta ngỡ là tâm mình, nhưng thật ra không phải. Như quý Phật tử suy nghĩ, tính toán việc gì thường cho tâm suy nghĩ tính toán đó là tâm của tôi. Nếu nó là "tâm của tôi" thì những phút giây không suy nghĩ, không tính toán, tôi còn hay tôi mất? Nếu nó là tôi, thì khi nó không hiện, tôi cũng phải mất luôn. Nhưng thật ra, không suy nghĩ, không tính toán, tôi cũng hiện tiền. Do đó, nếu cho tâm suy nghĩ tính toán là tôi là một lầm lẫn rất lớn. Song tất cả chúng ta đa số đều lầm như vậy. Người tu Thiền biết rõ tâm suy nghĩ tính toán đó không phải thật mình nên để nó lặng xuống, tìm cho ra cái mình chân thật. Để nó yên lặng tức là dùng phương pháp định tâm. Vì vậy gọi là Thiền Định. Lặng vọng tâm rồi, chúng ta nhận ra được tâm chân thật của chính mình, đó là mục đích của người tu Thiền. Như vậy, người tu Thiền nhìn lại nội tâm mình chớ không cần hướng ra ngoài, còn người tu Tịnh Độ thì trông về cõi Cực Lạc bên ngoài, do đó không giống nhau.

Chuyện về Long Thọ tôn giả - Vị tổ dẫn mạch nguồn Thiền tông

Điểm thứ ba: người tu Thiền cốt làm sao cho hiện đời, bao nhiêu thứ phiền não nghiệp chướng sạch, tâm phiền não nghiệp chướng sạch rồi thì thể chân thật sẵn có hiện ra, đó là Niết Bàn, đó là Phật Tánh. Còn Tịnh Độ, gần đây có nhiều vị cho rằng tu Tịnh Độ rất dễ, chỉ cần niệm Phật mười câu thì Phật đón về Cực lạc liền. Dù kẻ tạo nghiệp ác, trộm cắp nhưng niệm 10 câu cũng được Phật đón về Cực Lạc; bởi vì họ nghĩ "đới nghiệp vãng sanh", tức là mang nghiệp vẫn sanh về bên đó, không cần đợi thanh tịnh mới được vãng sanh. Người tu Thiền không chấp nhận như vậy. Cực lạc là cõi thanh tịnh của Phật mà mang nghiệp xấu ác ô uế thì ai mà chấp nhận cho vào. Như vậy nói "đới nghiệp vãng sanh" là chuyện không thể chấp nhận được.

Thí dụ chúng ta nuôi con chó, nó bị ghẻ lở, ta nghĩ tại ta nuôi dưới đất nên nó bị ghẻ; bây giờ đem lên lầu chắc nó hết ghẻ nhưng không phải. Ở dưới đất hay trên lầu, chưa trị được hết ghẻ thì nó cũng bệnh như nhau. Ghẻ lở ngứa ngáy là dụ cho nghiệp, nếu chưa lành, thì dù có đem đi đâu ở chỗ nào, đẹp hơn, tốt hơn cũng không tránh khỏi. Muốn cho nó khỏi phải làm sao? Chúng ta

nuôi nó ở dưới đất mà biết tìm thuốc trị cho nó hết, nó lành thì ở dưới đất hay trên lầu gì cũng mạnh cả.

Cũng như vậy, nếu cho rằng ở Ta bà, chúng sanh mê muội tạo nghiệp, về Cực lạc hết tạo nghiệp thì chuyện ấy chưa chắc. Một bên dạy muốn nhập chỗ thanh tịnh thì phải hết nghiệp chướng, còn một bên nói mang nghiệp chướng đến cõi thanh tịnh rồi sẽ sạch sau. Như vậy, hai chủ trương không giống nhau. Đó là những điểm Thiền tông và Tịnh Độ tông không gặp gỡ nhau được.

Chỗ Thiền Tông và Tịnh Độ gặp được nhau

Điểm thứ nhất: Về Tịnh Độ, trong Kinh A Di Đà có một đoạn nói rằng người thiện nam tín nữ nào niệm Phật từ một ngày, hai ngày, ba ngày... cho đến bảy ngày "nhất tâm bất loạn" thì khi lâm chung thấy được Phật và Thánh chúng hiện trước mắt. Như vậy niệm Phật được nhất tâm bất loạn tối đa là bảy ngày, hoặc sáu ngày, hoặc năm ngày, hoặc bốn ngày, hoặc ba ngày cho đến cuối cùng là một ngày thôi thì nhắm mắt cũng thấy Phật và Bồ Tát hiện ở trước. Chúng ta nghe dễ quá phải không?

Tôi đọc trong A Hàm (Kinh A Hàm dạy tu Thiền theo Nguyên thủy), bài kinh Tứ Niệm Xứ, Phật dạy: nếu người nào tu quán Tứ niệm xứ từ một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến bảy ngày tâm không rời Tứ niệm xứ thì người đó khi nhắm mắt chứng tối thiểu là sơ quả Tu đà hoàn, nhị quả Tư đà hàm, tam quả A na hàm, tứ quả A La hán. Như vậy, chỉ quán Tứ niệm xứ trọn vẹn bảy ngày, không di chuyển, không di đổi, người đó nhắm mắt chứng được quả A La hán. Nếu kém hơn hoặc sáu, hoặc năm ngày thì chứng quả A na hàm, bốn ngày hoặc ba ngày thì có thể chứng quả Tư đà hàm. Nếu kém nữa, chỉ một ngày tâm không di đổi thì chứng quả Tu đà hoàn. Tu đà hoàn là quả bất thối chuyển, còn bảy đời sanh tử nhưng chỉ đi lên chứ không đi xuống. Vậy Kinh A Di Đà và Kinh Tứ niệm xứ trong A Hàm nói không khác.

Thế thì dù niệm Phật, hay tu Thiền quán mà tâm chuyên chú an định từ một ngày cho đến bảy ngày thì nhất định người đó đạt được đạo quả. Tu Tịnh thì được thấy Phật, còn tu Thiền thì chứng từ sơ quả đến tứ quả. Chúng ta thấy tu có khó không? Phật hạn chỉ bảy ngày thôi. Cả đời chúng ta bao nhiêu ngày mà chỉ cần 7 ngày chuyên nhất không tạp cho đến dù một ngày thôi, tinh chuyên như vậy thì sẽ đạt được đạo quả. Nhưng sao không ai chịu hy sinh một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, hoặc niệm Phật nhất tâm bất loạn, hoặc chuyên tâm, không di chuyển khỏi Tứ niệm xứ thì sẽ được Phật đón về Cực Lạc hay chứng Tứ quả Thanh văn?

Bây giờ quý vị thử niệm Phật từ sáu giờ sáng hôm nay cho đến sáu giờ sáng ngày mai, không có một niệm thứ hai chen vô thì nhất định được Phật đón về Tây phương. Người tu Thiền, quán thân bất tịnh, thọ thì khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã; luôn luôn di chuyển trong bốn phép quán đó, không để niệm nào chen vô, trong bảy ngày hoặc ít nhất một ngày đêm thì chứng Tu đà hoàn, nhất định tiến lên Thánh quả, chớ không lùi trở lại.

Như vậy sự tu hành dễ hay khó, có thể làm

được không? Nhưng tại sao lâu nay chúng ta cứ trật vuột hoài, leo lên tụt xuống? Là vì sức định tâm của chúng ta yếu, nên đang nghĩ việc này thì không bao lâu thứ khác chen vô mất. Như quý vị đang lần chuỗi niệm Phật được dăm ba câu, bỗng có niệm khác chen vô. Cứ thế lặp đi lặp lại, không biết chừng nào xong. Nhớ người thì bóng người hiện, nhớ chùa thì bóng chùa hiện, nhớ huynh đệ thì bóng huynh đệ hiện. Phật bảo chỉ có bảy ngày mà không ai làm được dù một ngày, như vậy có dở không? Rõ ràng tu Tịnh Độ hay tu Thiền gì cũng vậy, nếu chúng ta quyết tâm xem như chết trong câu niệm Phật, chết trong quán Tứ niệm xứ thì đều thành công như nhau. Như vậy mới thấy sự tu rất dễ mà cũng rất khó. Rất dễ vì thời gian không cần nhiều. Rất khó vì tán tâm không làm được. Để thấy rằng trên đường tu, việc làm chủ tâm mình là vấn đề rất hệ trọng. Làm chủ mười người, hai mươi người dễ hơn làm chủ tâm mình. Ví như ông chủ sở, hay chủ xí nghiệp quản lý mấy chục nhân viên, bảo họ làm việc này, việc kia thì dễ mà bảo nhìn lại tâm mình thì làm không được. Nếu làm đúng như lời Phật dạy thì có lẽ chúng sanh thành Phật nhiều lắm rồi. Nhưng vì kẻ trộm lẻn vào phá hoài làm cho ta rối rắm mất hết công phu, nên Phật bảo điều khiển được mình là một việc làm rất khó. Tu chính là phải điều khiển được mình.

Đối với người khác, vì thế lực của mình, vì quyền lợi của người, nên người ta phải nghe lời mình, tuân theo mình. Còn đối với chính mình, không có quyền lợi, không có thế lực gì cả, niệm trước bảo phải làm cái này, nhưng niệm sau nảy ra cái khác, chạy tán loạn hết. Vì vậy nói đến việc tu tưởng như dễ, cầm xâu chuỗi lần có gì khó? Nhưng nếu lần chuỗi để lần chuỗi thì ai làm cũng được, còn lần chuỗi niệm Phật để nhất tâm thì thật khó làm. Ngồi Thiền nửa giờ, một giờ thì ai cũng ngồi được, mà ngồi một giờ không có vọng tưởng dấy động, thì chuyện đó khó có người làm được.

Trên phương diện hình tướng cụ thể của thân, của cảnh sắp đặt rất dễ. Còn tâm không hình tướng, không chỗ nơi, cứ bỏ hở là vọng tưởng nó nhảy ra phá công phu của chúng ta. Vì vậy người tu năm này tháng nọ dồn hết công phu cố gắng gìn giữ tâm không để trống hở, như canh chừng mấy đứa trộm không cho nó chen vào, như vậy mười năm, hai mươi năm còn chưa thể được, huống là xem thường. Tu là canh chừng vọng tưởng. Nhiều người nói: vọng tưởng thì cứ cho nó nghĩ chớ việc gì phải canh chừng? Nó là tâm mình thì cứ để nó nghĩ đã rồi thôi.

Quý vị chưa tu nên nói vậy, chớ có tu sẽ thấy. Lâu nay chúng ta cứ lầm lẫn ngỡ vọng tưởng là tâm mình. Vì ngỡ là tâm mình, nên đuổi theo dục lạc thế gian rồi tạo nghiệp đi trong sanh tử luân hồi, đi này kiếp nọ liên miên. Do nó là chủ tạo nghiệp nên nó có sức mạnh dẫn chúng ta đi trong sanh tử. Dẹp được nó, tức là chúng sanh làm chủ được mình, không tạo nghiệp, hết sự ràng buộc, tự do tự tại, thì sanh tử làm gì lôi kéo được! Phật gọi người này đã giải thoát khỏi sanh tử.

Tôi thường hỏi:

- Chúng ta tu để làm gì?

- Để giải thoát sanh tử

- Cái gì dẫn mình đi trong sanh tử?

- Nghiệp dẫn chúng ta di trong sanh tử.

- Cái gì tạo nghiệp?

- Thân, miệng, ý là ba chỗ tạo nghiệp.

Rõ ràng mục tiêu của chúng ta là giải thoát sanh tử. Vậy phải làm sao hết nghiệp? Thân nằm dài, miệng ngậm câm phải không? Không phải vậy. Thân hoạt động, miệng nói năng gốc từ ý. Tuy nói thân, khẩu, ý , nhưng thật ra ý nghĩ tốt thì miệng nói tốt, thân làm tốt; ý nghĩ xấu thì miệng nói xấu, thân làm xấu. Nói ba nhưng ý là gốc chủ động. Muốn hết nghiệp, chúng ta phải dứt niệm của của ý. Muốn dứt ý niệm thì đầu tiên chúng ta phải biết ý niệm là cái hư giả không thật. Lâu nay chúng ta khẳng định, "tôi nghĩ như vậy" tức ngầm cho cái ý là thật. Bây giờ biết nó hư ảo không thật, tìm cách dừng lặng để không bị nó tác oai tác quái nữa. Người tu Thiền hay niệm Phật cũng vậy, niệm đến nhất tâm thì ý không còn loạn động. Tu Thiền được định thì ý cũng lặng yên. Nhân tạo nghiệp không còn thì cái gì dẫn chúng ta đi trong sanh tử?

Thân này do tứ đại hợp, khi chết trả về cho tứ đại. Chúng ta biết thân sẽ hư hoại, ý nghĩ cũng huyền ảo. Khi dừng được ý hư ảo rồi thì còn gì nữa không? Tu là để nhận ra cái gì giải thoát, chớ thân hoại ý lặng rồi, chẳng lẽ mất hết sao? Cho nên tu là luyện lọc thân tâm, ngay nơi tâm thức của chúng ta cái gì thật, cái gì hư. Biết cái hư, bỏ không theo nó thì cái thật hiện ra, đó gọi là giải thoát sanh tử.

Cái chân thật ấy có nhiều tên gọi như Phật tánh, Chân như, Bồ đề, Niết Bàn... luôn sẵn trong ta. Song lâu nay chúng ta bị chú "Ý" này che phủ đi. Quý vị thử ngồi chơi trong năm phút mà không có ý niệm nào dấy lên xem. Nói ngồi chơi, chớ nhớ chuyện hôm qua, hôm kia, không bao giờ tâm rỗng rang nên chúng ta cứ bị ý thức che phủ mãi, vì cái ảo giác đó cứ làm quay cuồng nên chúng ta không nhận ra được cái chân thật của mình. Vì vậy ngồi thiền để định tâm hư ảo, định những thứ quay cuồng đó lại. Định được rồi thì cái thật sẽ hiện ra.

Tu Thiền cốt để dừng những niệm hư ảo của ý thức. Niệm Phật nhất tâm cũng để dừng niệm hư ảo của ý thức. Một bên thấy Bồ đề, Niết Bàn, một bên thấy Đức Phật A Di Đà tới đón. Vì ý nghĩa sâu kín mầu nhiệm như vậy, chúng ta mới dụng công tu hành, chớ nếu tầm thường thì tu làm gì? Có thông hiểu thấu suốt chúng ta mới thấy việc làm của người tu không phải là hình thức cúng kính bên ngoài; nó sâu thẳm ở bên trong. Khi làm chủ được ý niệm lăng xăng cuả mình rồi, những vọng tưởng lặng xuống thì cái chân thật hiện tiền. Sống được với cái chân thật đó là giải thoát sanh tử, đời đời không bao giờ mất. Còn mang nghiệp do ý tạo thì mất thân này chụp thân kia, mất thân kia chụp thân nọ, sanh tử biết bao giờ cùng?

Vì vậy trong kinh Đức Phật nói, con người sanh ra rồi chết đi, đời này qua đời nọ, mỗi

một đời khóc bao nhiêu nước mắt. Nếu gom hết nước mắt của chúng sanh trong nhiều đời nhiều kiếp còn hơn nước của biển cả. Cái khổ luân hồi sanh tử thật không cùng. Mấy chục năm hết một đời. Trong một đời khóc bao nhiêu lần. Hồi lọt lòng mẹ đã khóc rồi, cho tới già sắp chết cũng khóc nữa, thành một chuỗi dài cứ khóc và khóc. Đến khi mất thân này, tìm lại thân khác tiếp tục khóc nữa, thành một chuỗi dài cứ khóc và khóc. Còn nghiệp dẫn là còn khổ đau. Vì vậy muốn giải thoát sanh tử phải dừng hết nghiệp. Muốn hết nghiệp phải dừng từ trong ý, vì nó là động cơ chủ yếu tạo nghiệp.

Tại sao chúng ta phải ngồi thiền hai ba tiếng đồng hồ, chân tay đau tê cóng mà cũng ráng ngồi? Ngồi là trước để hàng phục thân, làm chủ thân rồi kế đó hàng phục ý. Muốn làm chủ ý phải có thời gian dài, vì nếu ngồi năm ba phút hay nửa giờ, tâm mới vừa hơi yên thì hết giờ, nên ngồi một hai tiếng để có thời gian dài chúng ta mới thấy rõ ý thức còn sức mạnh hay đã yếu rồi. Trong các thiền viện tôi bắt ngồi thiền hai ba tiếng đồng hồ. Có nhiều người lúc đầu hăng hái đến xin tập tu, được vài hôm rồi xin rút lui vì theo không nổi. Tôi chủ trương như vậy không phải để hành hạ thân một cách vô ích. Bởi vì có hai lý do:

- Một, nếu chúng ta không làm chủ được thân này thì chúng ta dễ bị lệ thuộc nó, nên đau thì chịu đau, phải thắng nó mới có thể vượt qua. Chúng ta ai cũng biết giờ phút tắt thở là giờ phút đau khổ nhất, nếu không có sức làm chủ thân thì không sao an ổn lúc lâm chung. Làm chủ được thân thì giờ phút đó chúng ta mới định tĩnh ra đi. Bằng không thì lúc đó rối loạn, thấy cái gì chụp cái ấy, thật nguy khốn. Nên trước phải làm chủ cái thân.

- Hai, là phải làm chủ được ý. Ý thức rất linh hoạt, dễ phóng ra bên ngoài. Nếu không dùng phương tiện để điều phục thì sẽ khó định tâm lặng ý. Do đó từ thời Phật cho đến bây giờ, phương pháp tọa thiền được xem như tối thắng nhất để định tâm. Vì vậy tôi chủ trương Tăng Ni tu muốn tiến lên phải siêng năng tọa thiền. Làm chủ được thân tâm rồi mới đi tới giải thoát sanh tử.

Chúng ta nhìn lại đạo Phật, dù cho tông này hay phái kia khác biệt nhưng rốt lại đều cùng một mục đích là dừng ý niệm lăng xăng, để cái chân thật được hiện bày, đó là chỗ gặp nhau. Vì vậy người tu Tịnh Độ hay nói "Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương" nghĩa là ba nghiệp hằng trong sạch thì đồng với Phật đi về cõi Phật không nghi ngờ. Tu Tịnh Độ thì cầu về Cực Lạc, còn tu Thiền là nhận được bản lai diện mục hay nhận được Pháp thân... Đó là điểm tương đồng thứ nhất giữa Tịnh Độ và Thiền.

Những điều kỳ đặc về Tổ sư Thiền tông Bồ Đề Đạt Ma

Điểm thứ hai: nói về lý và sự Tịnh Độ. Sự Tịnh Độ là chúng ta tin cách đây mười muôn ức cõi có thế giới tên là Cực lạc. Do tin chắc không nghi ngờ nên cố gắng niệm Phật, đến khi nào nhất tâm, chừng đó nhắm mắt thấy Phật rước về Tây phương, sung sướng không còn khổ sở như ở cõi Ta bà này nữa. Đó là

Sự Tịnh Độ. Về Lý Tịnh Độ thì trong kinh Duy Ma Cật nói: "Tâm tịnh thì Độ tịnh". Nếu muốn cõi nước thanh tịnh trước hết phải tịnh tâm của mình. Tâm thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh. Hoặc có chỗ nói "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ"; tức tánh của mình là Phật Di Đà, tâm của mình là cõi Tịnh Độ. Như vậy Tịnh Độ và Đức Phật Di Đà ở ngay nơi mình chớ không phải ở bên trời Tây. Lý Tịnh Độ này rất phù hợp với Thiền.

Tại sao phù hợp? Vì người tu thiền cốt xoay trở lại nội tâm của mình. Khi dẹp sạch vọng tưởng lăng xăng rồi thì tâm thanh tịnh hiện ra gọi là pháp thân bất sanh bất diệt hằng giác, hằng tri. Nghĩa là chúng ta tu để nhận ra tâm thanh tịnh không còn vọng tưởng, thể nhập được pháp thân bất sanh bất diệt, hằng giác hằng tri. Thì Tịnh Độ nói Phật Di Đà là tự tánh, còn tự tâm thanh tịnh là cõi Tịnh Độ. Đức Phật A Di Đà tiếng Phạn đọc là Amitabha Buddha. Trung Hoa dịch là Vô lượng thọ, Vô lượng quang. Vô lượng thọ là sống lâu vô lượng, đồng nghĩa với pháp thân bất sanh bất diệt. Vô lượng quang là luôn luôn sáng suốt, đồng nghĩa với Phật tánh hằng tri hằng giác. Đức Phật A Di Đà là biểu trưng cho Phật Tánh. Lý Tịnh Độ là lý Thiền, không có gì khác nhau hết.

Đối chiếu như vậy để chúng ta thấy ý nghĩa của người tu Thiền và người tu Tịnh Độ không hai, không khác. Do đó Phật Tử chúng ta khi tu Phật đừng quan niệm rằng mình làm thế này, thế nọ, Phật sẽ ban ơn ban phúc. Quan niệm như thế là sai lầm. Tu để chủ động lấy mình. Ý nghiệp lặng xuống thì được giải thoát chớ thật tình Phật không ban ơn ban phúc cho chúng ta. Phật dạy nhân quả là gốc của sự tu. Nhân tốt thì hưởng quả tốt, chớ không phải Phật ban cho ta được. Song Phật tử chúng ta chỉ muốn xin Phật thôi. Tu coi bộ phiền mất thì giờ. Cứ cúng một ít rồi Phật ban cho con cái này cái nọ là xong. Chỉ cần mỗi tháng đi chùa hai lần, để dành ít tiền ngày 30 hay Rằm, sắm hương hoa, trái cây... quý thầy đánh chuông, lạy ba lạy, cúng đĩa quả là đủ rồi. Phật tử đi chùa như vậy so với lý thật của đạo thật là cách xa muôn dặm! Chúng ta phải ý thức rằng tu Phật là cốt làm sao để mình trở thành con người giác ngộ, không còn bị nghiệp lôi dẫn trên đường sanh tử nữa. Đó là mục đích tối thượng của chúng ta. Dù đời này chúng ta tu không xong, còn phải tới lui cõi này nhưng mục đích tối thượng đó phải giữ vững, đừng để lệch hướng. Cũng như người đi biển cần có la bàn vậy, phải khẳng định không nhầm lẫn. Nhắm đúng rồi, đời này tu được bao nhiêu, đời sau tu tiếp nữa, cứ như vậy tu tiếp mãi, chừng nào xong việc mới thôi.

Trong kinh nói Đức Phật tu vô số kiếp, hay là ba a tăng kỳ kiếp, tức là ba vô số kiếp. Nghe ba vô số kiếp quý vị có ngán không? Chữ kiếp không phải một đời của mình đâu. Kiếp là trải qua bao triệu năm. Vậy ba vô số kiếp là bao nhiêu triệu năm, qúi vị nghĩ mà ngán phải không?

(Còn tiếp)

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học

HỘ PHÁP

Quí vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368